



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM

BAN KINH TẾ ĐẦU TƯ / PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO



Bản tin

KINH TẾ VĨ MÔ

SỐ THÁNG 9/2025



MỤC LỤC

PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI	1
1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 8/2025	1
1.1. Tổng quan chung	1
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới	2
2. Dự báo tăng trưởng	8
PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM	9
1. Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 8/2025	9
1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội	9
1.1.1. Sản xuất công nghiệp	9
1.1.2. Xuất nhập khẩu	10
1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp	11
1.1.4. Hoạt động đầu tư	11
1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng	13
1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ	13
1.2.1. Tăng trưởng tín dụng	13
1.2.2. Lãi suất	14
1.2.3. Tỷ giá	15
1.2.4. Chứng khoán	16
1.2.5. Lạm phát	17
2. Dự báo kinh tế Việt Nam	18
2.1. Về chủ trương, chính sách	18
2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam	21
PHẦN III: THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO	22
1. Thị trường dầu thô	22
2. Thị trường khí	28
3. Thị trường phân bón	32
4. Thị trường điện	38
PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	41
Phụ lục I: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 8 năm 2025	42



PHẦN I

KINH TẾ THẾ GIỚI



1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 8/2025

1.1. Tổng quan chung

Chỉ số *PMI sản xuất toàn cầu tháng 8/2025 đạt 50,9 điểm, tăng 1,2 điểm so với tháng 7/2025 (49,7 điểm)*, dấu hiệu cho thấy điều kiện hoạt động sản xuất toàn cầu đã cải thiện đáng kể nhất kể từ tháng 6 năm 2024, khi mức sản lượng, đơn hàng mới và việc làm đều tăng trưởng trở lại.

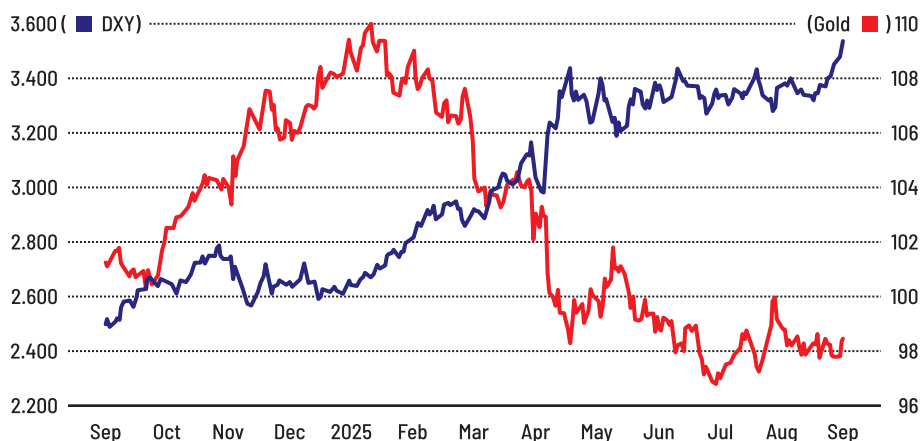
Trong tháng 8/2025, kinh tế thế giới tiếp tục hồi phục một cách dè dặt nhưng vẫn bị phủ bóng bởi nhiều yếu tố rủi ro bất định từ các chính sách thuế quan của Mỹ. Nổi bật là việc Tổng thống Mỹ Donald Trump ký lệnh áp thuế bổ sung 25% lên hàng hóa nhập khẩu từ Ấn Độ vào ngày 6/8, nâng tổng mức thuế lên 50% - thuộc nhóm cao nhất đối với các quốc gia chịu biện pháp đáp trả từ Mỹ. Chính sách này có hiệu lực từ ngày 27/8, gây áp lực lớn lên thương mại toàn cầu và làm dấy lên lo ngại về sự leo thang căng thẳng Mỹ - Ấn, đồng thời ông Trump cũng úp mở khả năng mở rộng biện pháp tương tự đối với Trung Quốc đã khiến tâm lý bất an trên thị trường tài chính ngày càng lan rộng.

Mặc dù một số thỏa thuận trì hoãn thực thi thuế quan đã phần nào xoa dịu áp lực ngắn hạn, song niềm tin của nhà đầu tư và người tiêu dùng vẫn khó phục hồi trong bối cảnh lạm phát kéo dài và chi phí nhập khẩu tăng cao. Hệ quả là chi tiêu toàn cầu có xu hướng sụt giảm, còn thị trường tiền tệ ghi nhận nhiều biến động mạnh. Đồng đô la Mỹ (USD) trong tháng qua đã giảm khoảng 2% so với tháng trước, trong khi vàng tiếp tục lập kỷ lục mới với mức tăng khoảng 2,4%, được thúc đẩy bởi nhu cầu trú ẩn an toàn và lực mua mạnh từ các ngân hàng trung ương.

Bên cạnh đó, giới siêu giàu và các văn phòng quản lý tài sản tại châu Á đang đẩy mạnh đầu tư vào tiền mã hóa, đưa Bitcoin lên mức đỉnh mới trong tháng. Tính đến hết tháng 8/2025, giá trị vốn hóa của đồng tiền số này đạt 1.170 tỷ USD, chiếm 54,91% tổng giá trị vốn hóa của thị trường tiền mã hóa, phản ánh rõ nét xu hướng dịch chuyển dòng vốn toàn cầu sang những kênh đầu tư phi truyền thống.

Ngoài ra, thị trường tiền tệ toàn cầu trong tháng qua còn chịu tác động mạnh từ kỳ vọng xoay quanh định hướng điều hành của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed), đồng thời bị chi phối bởi những căng thẳng leo thang giữa Tổng thống Trump và giới chức Fed, khi Tổng thống Trump nhiều lần công khai kêu gọi cơ quan này hạ lãi suất. Sự đối đầu này đã làm gia tăng biến động trên thị trường ngoại hối và trái phiếu, đồng thời khiến đồng USD trở nên nhạy cảm hơn trước mọi tín hiệu chính sách.

DIỄN BIẾN CHỈ SỐ DOLLAR INDEX (DXY) VÀ GIÁ VÀNG THẾ GIỚI
TỪ 9/2024 ĐẾN HẾT THÁNG 8/2025



(Chỉ số Dollar Index đo lường giá trị của đồng đô la Mỹ so với rổ 6 loại tiền tệ gồm: euro, yên Nhật, bảng Anh, đô la Canada, krona Thụy Điển và franc Thụy Sĩ)

Nguồn: Trading Economics

Trong dài hạn, sự chông chéo tranh chấp thương mại giữa các quốc gia, sức ép chính trị đối với chính sách tiền tệ và xu hướng dịch chuyển dòng vốn sang vàng cũng như tiền mã hóa đang tạo ra những thách thức phức tạp cho tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Thêm vào đó, những biến động khó lường trên thị trường tài sản cũng làm dấy lên lo ngại về bong bóng tài chính và gây thêm sức ép lên ổn định vĩ mô. Đồng thời, tình trạng lạm phát kéo dài, nợ công ngày càng cao ở nhiều nền kinh tế chủ chốt và căng thẳng địa chính trị tại các khu vực như Trung Đông, biên giới Campuchia - Thái Lan hay Biển Đông cũng làm gia tăng nguy cơ đứt gãy chuỗi cung ứng và khiến chi phí logistics leo thang, trong khi hiệu quả thương mại quốc tế sụt giảm, từ đó làm cho tiến trình phục hồi kinh tế toàn cầu trở nên mong manh và thiếu bền vững.

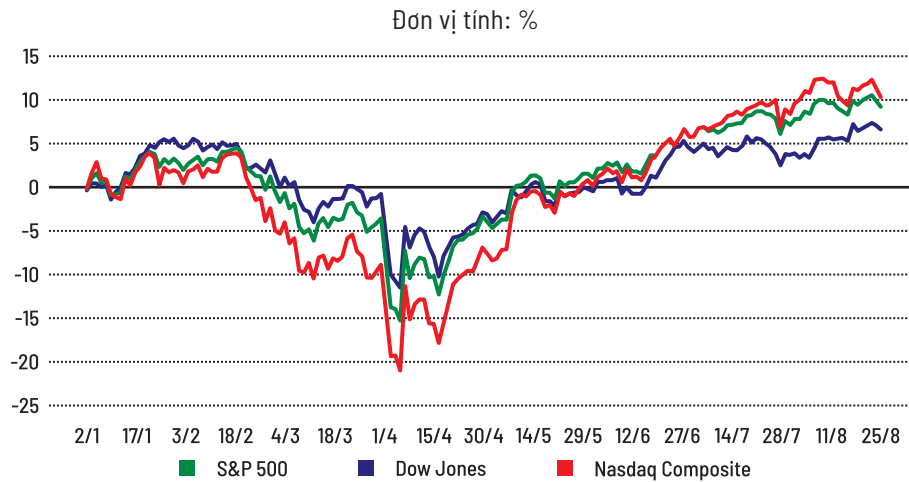
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới

■ Mỹ

Chỉ số PMI sản xuất tháng 8/2025 đạt 50,3 - tăng 0,5 điểm so với tháng 7/2025 (49,8 điểm), đánh dấu sự cải thiện mạnh mẽ nhất trong điều kiện hoạt động kể từ tháng 5 năm 2022.

Hoạt động của cả khu vực sản xuất và dịch vụ tại Mỹ trong tháng 8/2025 tiếp tục tăng trưởng vững chắc, trong khi thị trường chứng khoán ghi nhận một tháng bùng nổ. Động lực chính của các nhà đầu tư chứng khoán Mỹ đến từ kỳ vọng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) sẽ tiến hành cắt giảm lãi suất lần đầu tiên trong năm. Niềm tin này đã thúc đẩy dòng vốn chảy mạnh vào các nhóm cổ phiếu, giúp cả ba chỉ số chính đồng loạt tăng mạnh, trong đó, chỉ số Dow Jones tăng 3,2% so với tháng trước, Nasdaq Composite tăng 1,6% và S&P 500 tăng 1,9%.

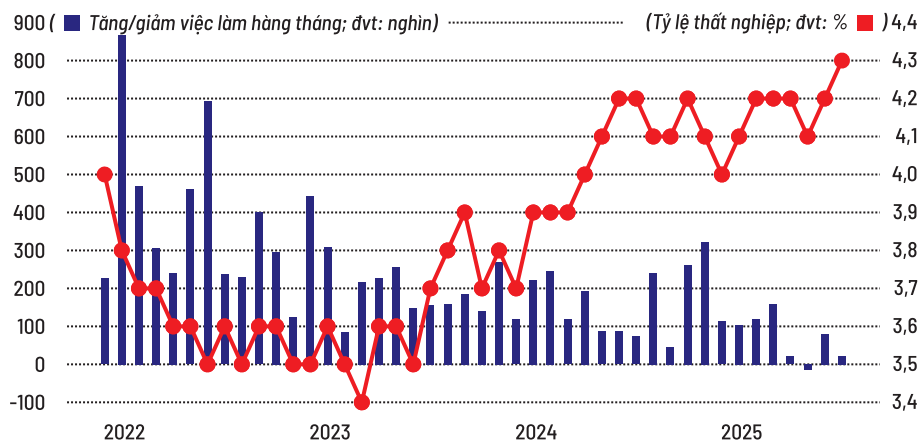
BIẾN ĐỘNG BA CHỈ SỐ CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN MỸ
TỪ ĐẦU NĂM 2025 ĐẾN HẾT THÁNG 8/2025



Nguồn: CNBC

Tuy nhiên, bên cạnh những tín hiệu lạc quan, nền kinh tế Mỹ vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức. Thị trường lao động suy yếu nhanh hơn dự báo, khi tốc độ tạo việc làm chậm lại khi trong tháng 8 vừa qua, nền kinh tế Mỹ chỉ tạo thêm 22.000 việc làm, trong khi tỷ lệ thất nghiệp đã tăng lên đến 4,3%, cao nhất từ đầu năm đến nay.

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG MỸ TỪ ĐẦU NĂM 2022 ĐẾN HẾT THÁNG 8/2025



Nguồn: Cục Thống kê Lao Động Mỹ

Ngoài ra, thị trường bất động sản rơi vào trạng thái trầm lắng, kéo theo áp lực đối với ngành công nghiệp đồ nội thất và các lĩnh vực phụ thuộc vào nguyên vật liệu nhập khẩu - vốn đã tăng giá do tác động của thuế quan. Mặt khác, trong tháng qua, đồng đô la Mỹ (USD) tiếp tục xu hướng suy yếu, trong khi lạm phát kéo dài cùng chi phí sinh hoạt từ nhà ở đến thực phẩm tiếp tục leo thang càng làm xói mòn thu nhập thực tế của tầng lớp trung lưu và người lao động có thu nhập thấp.

Đặc biệt, tình hình nợ công của Mỹ cũng đang trở thành mối lo ngại lớn đối với nền kinh tế nước này. Ngày 20/8, Ủy ban Ngân sách Liên bang Có trách nhiệm (CRFB) cảnh báo thâm hụt ngân sách trong thập kỷ tới có thể cao hơn gần 1.000 tỷ USD so với dự báo trước đó, đạt 22.700 tỷ USD, đồng thời chi phí trả lãi vay ròng được dự báo sẽ tăng từ 3,2% GDP năm 2025 lên 4,1% GDP vào năm 2035.

Bên cạnh đó, từ ngày 29/8, việc chấm dứt chế độ miễn trừ thuế “de minimis” đối với các gói hàng nhập khẩu dưới 800 USD được dự báo sẽ tác động tiêu cực đến các nền tảng thương mại điện tử giá rẻ tại Mỹ như Shein, Temu, Amazon Haul hay Tik Tok Shop, làm tăng chi phí và gây gián đoạn chuỗi cung ứng của các công ty bán hàng trực tuyến, doanh nghiệp nhỏ và cả người tiêu dùng. Đồng thời, các chính sách của chính quyền Tổng thống Donald Trump - bao gồm siết chặt nhập cư, cắt giảm chi tiêu công, sa thải nhân sự chính phủ cũng như gây sức ép buộc Fed phải nới lỏng chính sách tiền tệ, thậm chí đe dọa sa thải Chủ tịch Fed - ông Jerome Powell - đều bị nhiều chuyên gia đánh giá là có thể làm gia tăng rủi ro dài hạn đối với nền kinh tế Mỹ.

Trong bối cảnh nền kinh tế Mỹ vừa ghi nhận sự khởi sắc nhưng đồng thời vẫn đối diện với những bất ổn đáng kể, các dự báo về triển vọng tăng trưởng kinh tế Mỹ của các tổ chức quốc tế tiếp tục có sự phân hóa rõ nét. Ngày 28/8, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) hạ dự báo tăng trưởng kinh tế Mỹ năm 2025 xuống còn 1,6% và sẽ chỉ đạt 1,5% vào năm 2026. Trái lại, ngày 30/8, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã nâng dự báo tăng trưởng kinh tế Mỹ năm 2025 lên 1,9% và năm 2026 đạt 2%, nhấn mạnh tác động tích cực từ khả năng hạ nhiệt căng thẳng thương mại và sự cải thiện của điều kiện thị trường toàn cầu.

▪ Trung Quốc

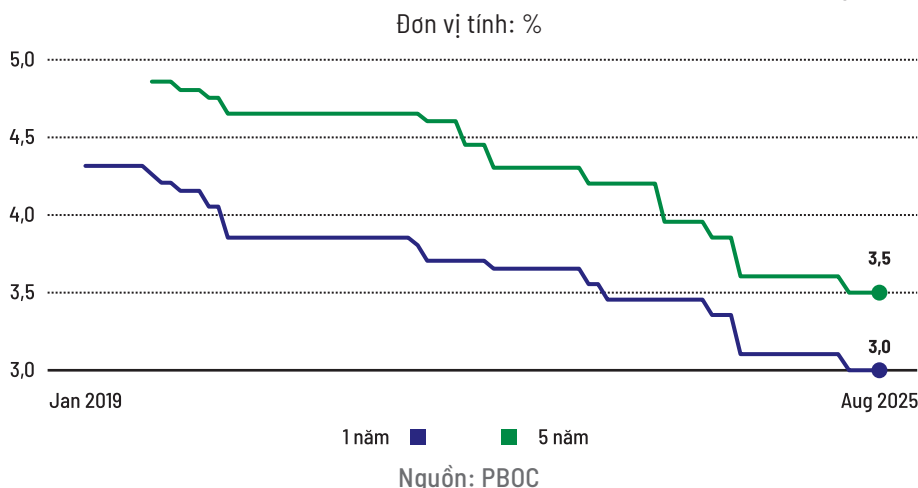
PMI sản xuất tháng 8/2025 đạt 50,5 điểm, tăng 1,0 điểm so với tháng 7/2025 (49,5 điểm), cho thấy điều kiện ngành sản xuất đã cải thiện vào giữa quý 3 của năm mặc dù chỉ ở mức nhẹ. Tốc độ cải thiện là nhanh nhất trong năm tháng.

Nền kinh tế Trung Quốc trong tháng 8/2025 vẫn chìm trong áp lực suy thoái khi hoạt động sản xuất vẫn tiếp tục suy giảm, trong khi thị trường bất động sản vẫn trong tình trạng khủng hoảng. Bên cạnh đó, thời tiết bất lợi với nắng nóng cực đoan và mưa lớn cũng khiến lĩnh vực xây dựng chững lại, càng làm triển vọng ngắn hạn thêm u ám.

Tháng 8 năm 2025, nền kinh tế Trung Quốc tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, đặc biệt là từ các rào cản thương mại và sự suy yếu của nhu cầu bên ngoài. Tăng trưởng xuất khẩu của Trung Quốc trong tháng 8 chỉ đạt **4.4%** so với cùng kỳ năm trước, mức tăng yếu nhất trong vòng 6 tháng. Đáng chú ý là xuất khẩu sang Mỹ sụt giảm mạnh, giảm tới **33.12%**, đánh dấu tháng thứ năm liên tiếp xuất khẩu sang thị trường này giảm hai chữ số. Điều này cho thấy tác động nặng nề của căng thẳng thương mại và các biện pháp thuế quan. Để bù đắp, Trung Quốc đang nỗ lực chuyển hướng xuất khẩu sang các thị trường khác như châu Phi và các nước châu Á, nhưng điều này chưa đủ để cân bằng lại sự sụt giảm từ thị trường Mỹ. Nhập khẩu cũng tăng trưởng yếu, chỉ đạt **1.3%** trong tháng 8, thấp hơn nhiều so với dự báo, phản ánh nhu cầu nội địa còn yếu và hoạt động sản xuất gặp khó khăn.

Trước tình hình kinh tế còn nhiều bất ổn, chính phủ Trung Quốc vẫn duy trì chính sách tiền tệ theo hướng nới lỏng thận trọng. Ngày 20/8, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) giữ nguyên lãi suất cho vay cơ bản (LPR) 1 năm ở mức 3,0% và 5 năm ở mức 3,5%, đúng như kỳ vọng thị trường.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT CHO VAY CỦA NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG TRUNG QUỐC



Đồng thời, chính phủ Trung Quốc cũng triển khai các gói hỗ trợ mới khi từ 1/9/2025, theo đó các khoản vay tiêu dùng cá nhân đủ điều kiện sẽ được trợ cấp 1% lãi suất, giúp giảm chi phí vay và kích thích tiêu dùng hộ gia đình. Song song với đó, chính phủ đẩy mạnh phát hành trái phiếu địa phương để tài trợ các dự án hạ tầng, đồng thời cam kết gia tăng đầu tư vào giáo dục, y tế và chăm sóc người cao tuổi nhằm hỗ trợ tăng trưởng dài hạn.

Trong khi đó, thị trường chứng khoán Trung Quốc lại ghi nhận đà sụt phá mạnh mẽ, khi chỉ số CSI 300 tăng vọt 10% trong tháng qua, nhờ thanh khoản dồi dào và tâm lý FOMO từ các hộ gia đình đang nắm giữ lượng tiết kiệm kỷ lục. Xu hướng tiết kiệm này bắt nguồn từ mạng lưới an sinh xã hội chưa hoàn thiện, tỷ lệ thất nghiệp gia tăng, chi phí nhà ở và y tế cao, cùng tác động từ quá trình già hóa dân số.

BIẾN ĐỘNG CHỈ SỐ CSI 300 CỦA CHỨNG KHOÁN TRUNG QUỐC TRONG 6 THÁNG QUA



Một diễn biến đáng chú ý trong tháng qua là việc Trung Quốc sẽ siết chặt quản lý khai thác và chế biến đất hiếm, yêu cầu các doanh nghiệp trong và ngoài nước phải được cấp phép và báo cáo sản lượng chính xác. Những biện pháp mới đồng nghĩa với việc Trung Quốc có thể sử dụng vị thế thống trị đất hiếm như một công cụ địa chính trị và kinh tế, nhất là trong bối cảnh cạnh tranh thương mại leo thang hiện nay, tác động mạnh đến chuỗi cung ứng toàn cầu trong lĩnh vực bán dẫn và xe điện.

Ngoài ra, Trung Quốc đã phát động chiến dịch “chống thoái hóa” nhằm chấm dứt cuộc chiến giá trong ngành thép và năng lượng mặt trời, kết hợp với kế hoạch cắt giảm công suất thép dư thừa giai đoạn 2025-2026 thông qua đóng cửa lò luyện lạc hậu, đầu tư công nghệ và kiểm soát xuất khẩu để ổn định thị trường quốc tế. Mặt khác, chính phủ Trung Quốc cũng đẩy mạnh phát triển kinh tế số, tận dụng sức mạnh điện toán đứng thứ hai thế giới, coi hạ tầng dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (AI) là động lực chiến lược. Việc khuyến khích ứng dụng robot trong sản xuất cũng được thúc đẩy, giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất và giảm áp lực chi phí lao động.

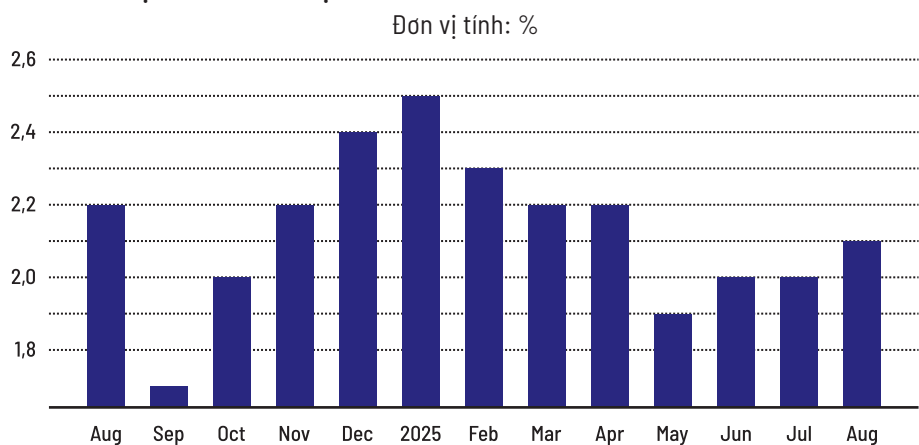
Dù còn đối mặt nhiều thách thức, triển vọng tăng trưởng kinh tế Trung Quốc vẫn nhận được đánh giá khá tích cực từ một số tổ chức quốc tế. Ngày 15/8, Tổ chức tài chính Vanguard đã nâng dự báo tăng trưởng GDP Trung Quốc năm 2025 lên 4,8%, trong khi Fitch Ratings dự báo tăng trưởng kinh tế Trung Quốc sẽ dao động trong khoảng 4,5-5% trong năm 2025.

■ EU

Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) sản xuất tháng 8/2025 đạt 50,7 điểm, tăng 0,9 điểm so với tháng 7/2025 (đạt 49,8 điểm), mức cao nhất trong 41 tháng khi lượng đơn đặt hàng mới được cải thiện.

Kinh tế khu vực Liên minh châu Âu (EU) trong tháng 8/2025 ghi nhận ghi nhận nhiều tín hiệu khởi sắc, tuy nhiên, lạm phát lại tăng nhẹ lên 2,1% so với cùng kỳ năm trước, nhỉnh hơn mức 2,0% của tháng 7, chủ yếu do giá lương thực, rượu và thuốc lá leo thang. Mức tăng này tuy chưa quá lớn nhưng cho thấy áp lực giá cả vẫn chưa được kiểm soát hoàn toàn, đặc biệt trong bối cảnh chi phí năng lượng còn biến động.

— DIỄN BIẾN LẠM PHÁT KHU VỰC ĐỒNG EURO TỪ THÁNG 8/2024 ĐẾN THÁNG 8/2025 —



Nguồn: Eurostat

Trong khi đó, số đơn đặt hàng mới đã phục hồi, giúp hoạt động kinh doanh tăng trưởng mạnh, tạo động lực tích cực cho doanh nghiệp và phản ánh sức cầu nội địa dần cải thiện, dù lĩnh vực xuất khẩu của EU vẫn chịu sức ép lớn từ thương mại toàn cầu suy yếu và môi trường địa chính trị phức tạp.

Cũng trong tháng qua, một dấu mốc quan trọng được ghi nhận khi Mỹ và EU hoàn tất khuôn khổ thương mại mới, theo đó, vào ngày 21/8, châu Âu đã cam kết mua năng lượng từ Mỹ trị giá tới 750 tỷ USD vào năm 2028, đồng thời áp trần phần lớn thuế quan ở mức 15%. Thỏa thuận này không chỉ giúp EU đa dạng hóa nguồn cung năng lượng, giảm sự phụ thuộc vào khí đốt đường ống từ Nga sau các sự cố Nord Stream, mà còn tạo nền tảng ổn định cho việc ký kết hợp đồng LNG dài hạn. Ngoài năng lượng, thỏa thuận mang lại ưu đãi đáng kể cho ngành dược phẩm và chất bán dẫn, trong khi ô tô và gỗ nhập khẩu từ EU chỉ còn chịu mức thuế trần 15% thay vì nguy cơ cao hơn trước đó. Tuy nhiên, các lĩnh vực như thép, nhôm và rượu vang chưa được đưa vào khuôn khổ này, khiến nhiều doanh nghiệp xuất khẩu châu Âu vẫn lo ngại về bất ổn thuế quan trong thời gian tới.

Trong thời gian tới, kinh tế EU vẫn đối mặt với nhiều thách thức lớn. Tác động kéo dài từ cuộc xung đột Nga - Ukraine tiếp tục làm gia tăng chi phí năng lượng, gây áp lực lên sản xuất công nghiệp. Trong đó, Đức - nền kinh tế đầu tàu của khu vực - bị ảnh hưởng nặng nề khi ngân sách năm 2025 buộc phải thắt chặt tài khóa để ưu tiên viện trợ cho Ukraine, trong khi sản lượng công nghiệp suy giảm 1,2% so với mức năm 2018. Bên cạnh đó, làn sóng nhập cư từ Trung Đông, châu Phi và Ukraine tiếp tục gia tăng, gây áp lực lớn lên thị trường lao động, hệ thống phúc lợi xã hội và ngân sách công. Nhiều quốc gia thành viên, đặc biệt là ở Đông và Nam Âu, phải đối diện với tình trạng căng thẳng xã hội, chi phí an sinh gia tăng và thách thức trong việc hòa nhập người nhập cư vào cộng đồng. Những yếu tố này không chỉ làm trầm trọng thêm gánh nặng tài chính, mà còn tiềm ẩn nguy cơ bất ổn chính trị nội khối, ảnh hưởng đến sự đồng thuận trong các quyết sách kinh tế và thương mại của toàn EU.

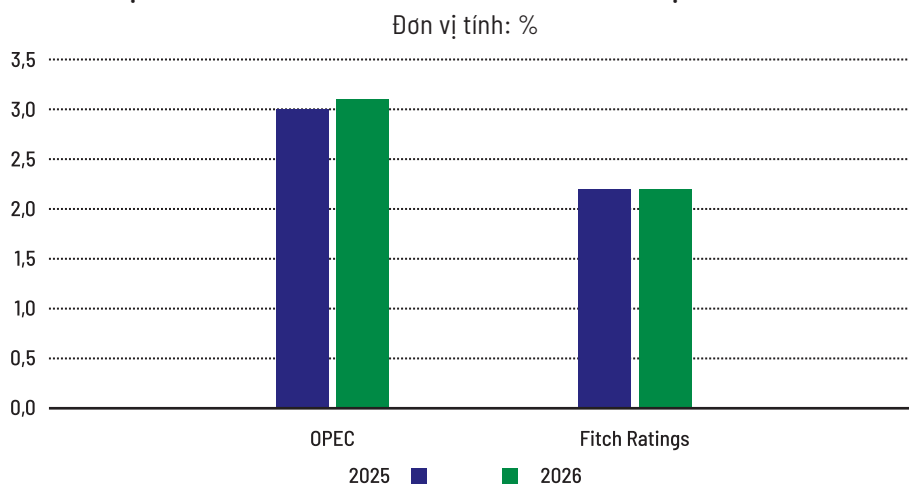
2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

Trong tháng 8/2025, kinh tế toàn cầu ghi nhận nhiều tín hiệu đan xen khi một mặt được hỗ trợ bởi động lực tăng trưởng ổn định trong nửa đầu năm, mặt khác vẫn chịu sức ép từ căng thẳng địa chính trị kéo dài và bất ổn trong chính sách thương mại quốc tế. Trước bối cảnh đó, các tổ chức quốc tế đã đưa ra những dự báo trái chiều về triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới, vừa phản ánh kỳ vọng phục hồi trong ngắn hạn, vừa cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn trong trung hạn.

Ngày 12/8, *Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC)* đã **dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2025 từ mức 2,9% lên 3%**. OPEC cho rằng sự điều chỉnh này phản ánh động lực phục hồi ổn định và khá mạnh mẽ trong nửa đầu năm, đặc biệt nhờ nhu cầu năng lượng duy trì ở mức cao và hoạt động sản xuất - thương mại quốc tế có dấu hiệu cải thiện so với cùng kỳ năm trước. Đối với năm 2026, *OPEC vẫn giữ nguyên dự báo tăng trưởng ở mức 3,1%*, nhấn mạnh rằng triển vọng trung hạn vẫn phụ thuộc nhiều vào diễn biến của thị trường năng lượng cũng như các yếu tố địa chính trị toàn cầu.

Trái ngược với các nhận định lạc quan của OPEC, ngày 30/8, Cơ quan xếp hạng tín nhiệm *Fitch Ratings* đưa ra **dự báo thận trọng hơn khi cho rằng tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ giảm tốc, chỉ đạt 2,2% trong cả năm 2025 và 2026**, thấp hơn so với mức 2,9% ghi nhận trong năm 2024.

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2025-2026



Nguồn: OPEC, Fitch Ratings

Lạm phát toàn cầu được dự báo sẽ giảm xuống còn khoảng 2.4-4.2% trong năm 2025. Tuy nhiên, lạm phát ở một số khu vực, đặc biệt là Mỹ, vẫn được dự báo sẽ cao hơn mục tiêu do giá năng lượng và thực phẩm gây áp lực lên lạm phát trong thời gian tới.



PHẦN II

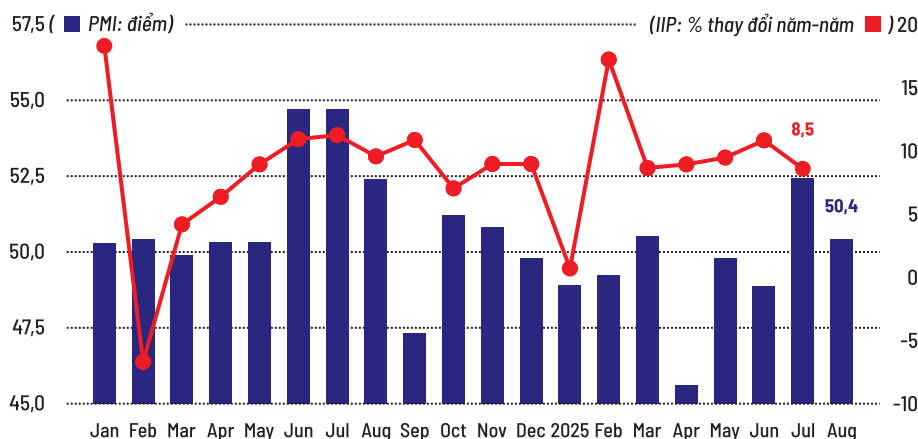
KINH TẾ VIỆT NAM

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM THÁNG 8/2025

1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

Trong tháng 8/2025, Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam giảm từ 52,4 điểm của tháng 7/2025 xuống còn 50,4 điểm, phản ánh điều kiện kinh doanh tiếp tục cải thiện nhưng chỉ ở mức khiêm tốn. Sản lượng sản xuất vẫn duy trì đà tăng trưởng tháng thứ tư liên tiếp, song tốc độ mở rộng đã chậm lại do nhu cầu suy yếu. Đáng chú ý, số lượng đơn đặt hàng mới giảm trở lại sau khi có dấu hiệu phục hồi trong tháng trước, khiến việc làm trong ngành tiếp tục sụt giảm và xuất hiện tình trạng dư thừa năng lực sản xuất. Bên cạnh đó, các vấn đề liên quan đến thuế quan từ Mỹ tiếp tục gây áp lực, khiến đơn hàng xuất khẩu mới giảm, làm suy yếu đáng kể động lực tăng trưởng của ngành.

DIỄN BIẾN CHỈ SỐ PMI CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 01/2024 - 08/2025

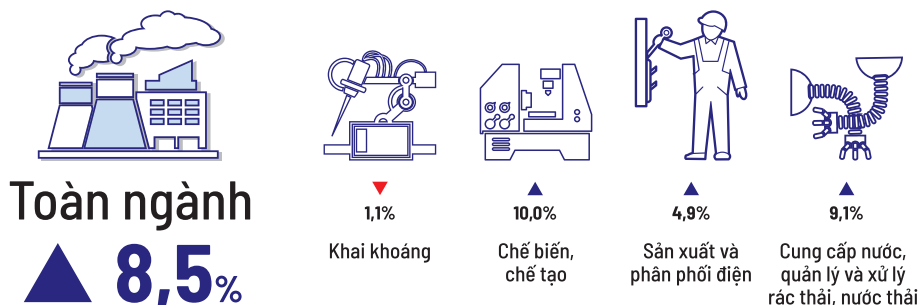


Nguồn: S&P Global, Cục Thống kê

1.1.1. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp tháng 8/2025 tiếp tục duy trì đà tăng trưởng. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 8/2025 ước tăng 2,2% so với tháng trước và tăng 8,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng đầu năm 2025, IIP ước tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2024 tăng 8,4%).

TỐC ĐỘ TĂNG/GIẢM CHỈ SỐ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP (IIP)
8 THÁNG ĐẦU NĂM 2025 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC



Nguồn: Cục Thống kê

1.1.2. Xuất nhập khẩu

Trong tháng 8/2025, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 83,06 tỷ USD, tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 16,0% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng đầu năm 2025, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 597,93 tỷ USD, tăng 16,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,8%; nhập khẩu tăng 17,9%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 13,99 tỷ USD.

■ Xuất khẩu hàng hóa

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 8/2025 ước đạt 43,39 tỷ USD, tăng 2,6% so với tháng trước và tăng 14,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 305,96 tỷ USD, tăng 14,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 76,69 tỷ USD, tăng 3,2%, chiếm 25,1% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 229,27 tỷ USD, tăng 19,3%, chiếm 74,9%.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 8 tháng đầu năm 2025, nhóm hàng công nghiệp chế biến đạt 271,06 tỷ USD, chiếm 88,6%.

■ Nhập khẩu hàng hóa

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 8/2025 ước đạt 39,67 tỷ USD, giảm 0,8% so với tháng trước và tăng 17,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng đầu năm 2025, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 291,97 tỷ USD, tăng 17,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 94,77 tỷ USD, tăng 5,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 197,2 tỷ USD, tăng 25,1%.

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu 8 tháng đầu năm 2025, nhóm hàng tư liệu sản xuất đạt 273,91 tỷ USD, chiếm 93,8%.

Cán cân thương mại hàng hóa tháng 8/2025 xuất siêu 3,72 tỷ USD. Tính chung 8 tháng đầu năm 2025, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 13,99 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 18,84 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 18,08 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 32,07 tỷ USD.

XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA 8 THÁNG NĂM 2025



Nguồn: Cục Thống kê

1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng 8/2025, cả nước có 20,5 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, tăng 23,9% so với tháng trước và tăng 52,9% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, cả nước còn có 12,4 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 15% so với tháng trước và tăng 46,4% so với cùng kỳ năm 2024; 6,5 nghìn doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, giảm 11,0% và tăng 22,5%; 6,9 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 56,8% và tăng 33,2%; có 3,8 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 96,7% và tăng 99,0%.

Tính chung 8 tháng đầu năm 2025, cả nước có 209,2 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động, tăng 24,5% so với cùng kỳ năm trước; bình quân một tháng có 26,2 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động. Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là 160,9 nghìn doanh nghiệp, tăng 19,0% so với cùng kỳ năm trước; bình quân một tháng có 20,1 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP 8 THÁNG NĂM 2025 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2024



Nguồn: Cục Thống kê

1.1.4. Hoạt động đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 8/2025 ước đạt 83,8 nghìn tỷ đồng, tăng 32,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng đầu năm 2025, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 463,2 nghìn tỷ đồng, bằng 48,3% kế hoạch năm và tăng 26,9% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2024 bằng 46,7% và tăng 2,5%).

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 9/2025

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/8/2025 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 26,14 tỷ USD, tăng 27,3% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 8 tháng đầu năm 2025 ước đạt 15,40 tỷ USD, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của tám tháng trong 5 năm qua.

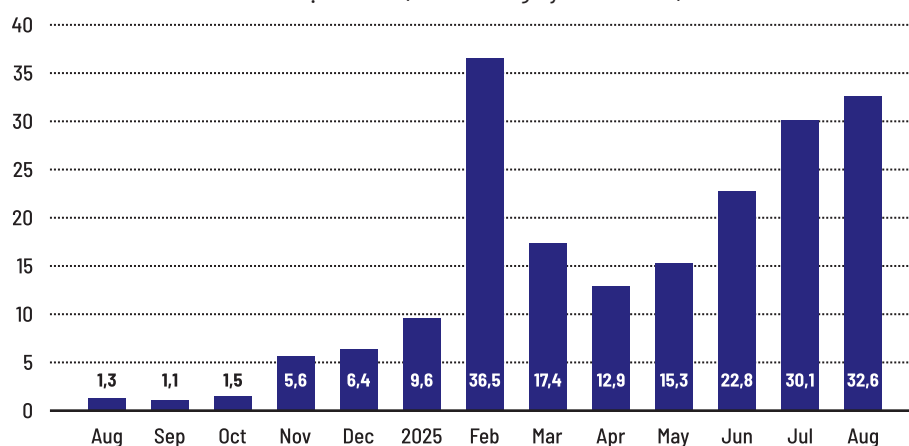
Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 8 tháng đầu năm 2025 có 108 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 426,5 triệu USD, gấp 2,9 lần so với cùng kỳ năm trước; có 21 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh tăng 129,7 triệu USD. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 556,2 triệu USD, gấp 3,8 lần so với cùng kỳ năm trước.

Bên cạnh đó, theo Bộ Tài chính, 8 tháng đầu năm đạt hơn 434 nghìn tỷ đồng, tương đương 39,79% kế hoạch. Riêng phần vốn kế hoạch năm 2025 giải ngân được 409,1 nghìn tỷ đồng, đạt 46,3% so với mức Thủ tướng giao, cao hơn cùng kỳ năm 2024. Đây là tín hiệu tích cực, song tốc độ tăng đã chững lại so với tháng 7/2025, tạo áp lực rất lớn cho những tháng cuối năm nếu muốn đạt được mục tiêu đề ra.

VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

TỪ THÁNG 8/2024 ĐẾN THÁNG 8/2025

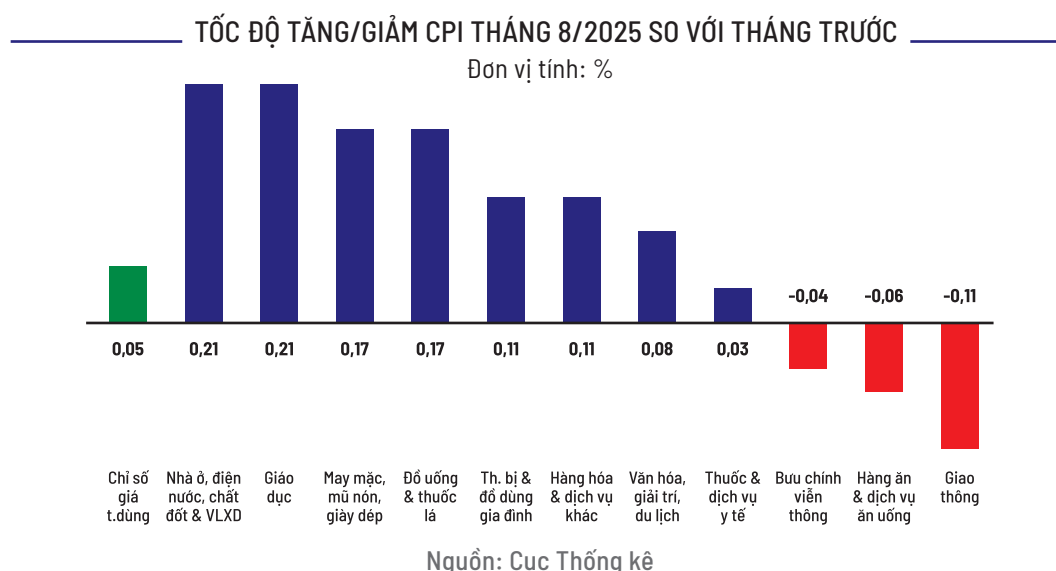
Đơn vị tính: % (so với cùng kỳ năm trước)



Nguồn: Cục Thống kê

1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 8/2025 tăng 0,05% so với tháng trước; tăng 2,18% so với tháng 12/2024; tăng 3,24% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 8 tháng đầu năm 2025, CPI tăng 3,25% so với cùng kỳ năm trước.



1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ

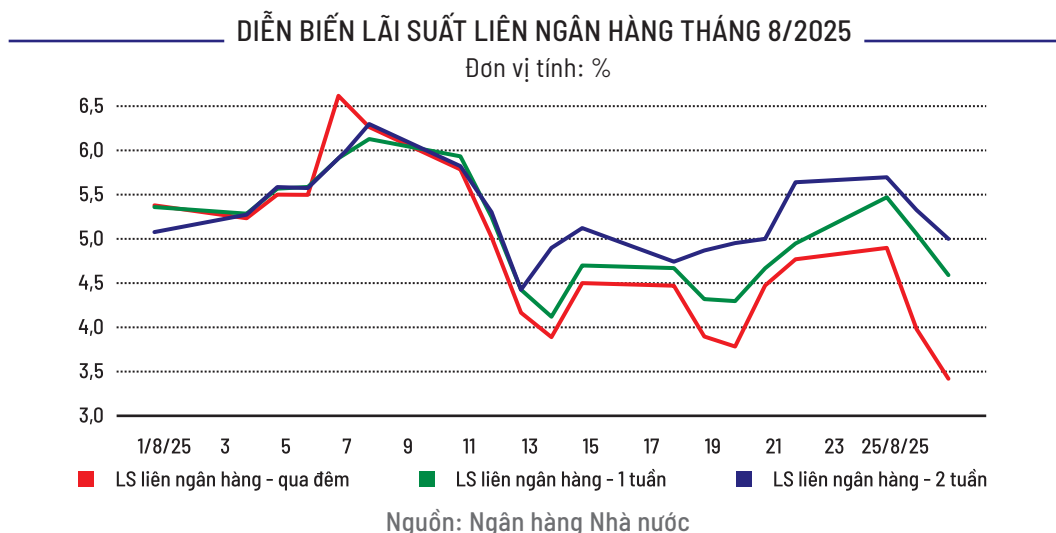
1.2.1. Tăng trưởng tín dụng

Trong tháng 8/2025, tín dụng toàn nền kinh tế tiếp tục mở rộng mạnh mẽ, phản ánh nhu cầu vốn gia tăng trong bối cảnh mặt bằng lãi suất duy trì ở mức thấp. Tính đến ngày 29/8/2025, dư nợ tín dụng đạt khoảng 17,14 triệu tỷ đồng, tăng 11,08% so với cuối năm 2024. Đáng chú ý, lãi suất cho vay bình quân đối với các khoản vay mới hiện chỉ ở mức 6,38%, giảm gần 0,6% so với cuối năm ngoái, qua đó tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp và hộ gia đình tiếp cận nguồn vốn.

Bên cạnh đó, mặc dù Ngân hàng Nhà nước đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2025 ở mức 16%, tương đương khoảng 2,5 triệu tỷ đồng, song dự báo con số thực tế có thể đạt tới 18-20%. Với đà mở rộng hiện nay cùng những tín hiệu tích cực từ hoạt động sản xuất - kinh doanh, tín dụng năm nay được ước tính tăng tới 20,19%, mức cao nhất trong nhiều năm, vượt xa mức trung bình khoảng 14,5%. Điều này kỳ vọng sẽ tạo thêm động lực cho tăng trưởng GDP, đồng thời hỗ trợ duy trì ổn định vĩ mô và kiểm soát lạm phát.

1.2.2. Lãi suất

Trong tháng 8/2025, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) áp dụng lãi suất tái chiết khấu ở mức 3%, lãi suất tái cấp vốn 4,5%. Bên cạnh đó, trong tháng qua, lãi suất liên ngân hàng ghi nhận xu hướng biến động mạnh với mức chênh lệch đáng kể giữa các kỳ hạn. Lãi suất qua đêm tăng vọt trong những ngày đầu tháng, đạt đỉnh gần 5,8% trước khi giảm nhanh về quanh 3,3% - 3,5% vào giữa tháng và tiếp tục duy trì ở mức thấp cho đến cuối tháng. Ở kỳ hạn 1 tuần, lãi suất cũng biến động tương tự, tăng lên mức trên 5,5% vào đầu tháng rồi giảm dần về quanh 4,2% - 4,5% trong nửa cuối tháng. Trong khi đó, kỳ hạn 2 tuần dao động ổn định hơn, chủ yếu quanh mức 4,8% - 5,2%, nhưng có thời điểm vượt ngưỡng 5,5% vào cuối tháng. Diễn biến này cho thấy nhu cầu vốn ngắn hạn trên thị trường liên ngân hàng tăng mạnh đầu tháng song nhanh chóng hạ nhiệt, phản ánh sự điều tiết linh hoạt của thanh khoản hệ thống.



Tính đến tháng 8/2025, tỷ lệ dự trữ bắt buộc do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định đối với các loại tiền gửi vẫn không thay đổi so với những tháng trước. Cụ thể:

TỶ LỆ DỰ TRỮ BẮT BUỘC THÁNG 8/2025					
LOẠI TỔ CHỨC TÍN DỤNG	Tiền gửi VND		Tiền gửi ngoại tệ		
	Không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	Tiền gửi của tổ chức tín dụng ở nước ngoài	Tiền gửi khác không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	Tiền gửi khác có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên
Quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô	0%	0%	0%	0%	0%
Ngân hàng chính sách	Theo quy định của Chính phủ				
Agribank; Ngân hàng hợp tác xã	3%	1%	1%	7%	5%
Tổ chức tín dụng khác	3%	1%	1%	8%	6%

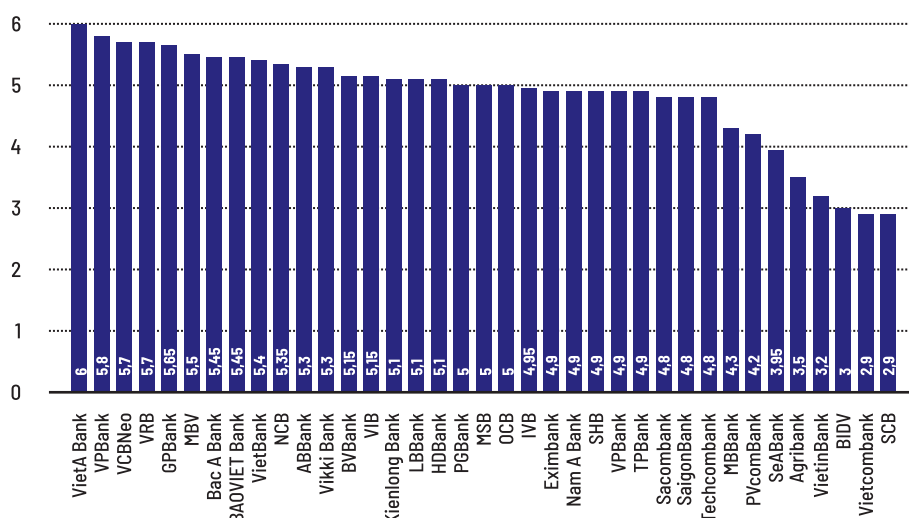
Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Đối với lãi suất huy động: Trong tháng 8/2025, có 9 ngân hàng tăng lãi suất, bao gồm: Techcombank, MB, VRB, VPBank, VCBNeo, Cake by VPBank, Eximbank, TPBank, BaoVietBank. Ở chiều ngược lại, có 5 ngân hàng giảm lãi suất là ABBank, IVB, Bac A Bank, VIB, Bao Viet Bank.

Ngoài ra, lãi suất huy động với kỳ hạn 3 tháng dao động từ 1,9% - 4,5%. Đối với kỳ hạn 6 tháng, mức lãi suất phổ biến trong khoảng 2,9% - 6%. Trong khi đó, lãi suất kỳ hạn 12 tháng có biên độ dao động từ 3,7% - 9%.

LÃI SUẤT HUY ĐỘNG KỲ HẠN 6 THÁNG TẠI MỘT SỐ NGÂN HÀNG

Đơn vị tính: %/năm



Nguồn: Vibiz Monitoring, tháng 8/2025

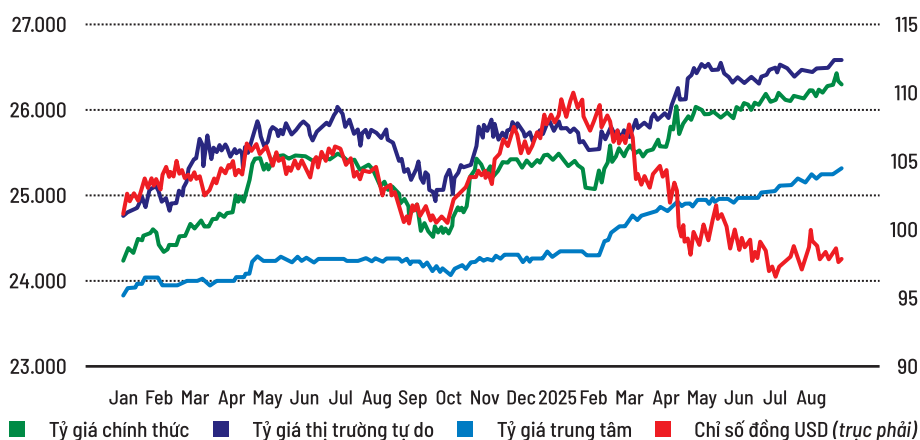
1.2.3. Tỷ giá

Trong tháng 8/2025, tỷ giá VND/USD chịu nhiều sức ép khi lãi suất USD duy trì ở mức cao, trong khi lãi suất tiền đồng thấp hơn đáng kể, tạo ra xu hướng dịch chuyển vốn sang ngoại tệ. Đồng thời, tiến độ giải ngân vốn vay nước ngoài chậm, trong khi nghĩa vụ trả nợ đến hạn tăng, làm gia tăng nhu cầu USD. Sau động thái tăng dần tỷ giá trung tâm của Ngân hàng Nhà nước từ tháng trước, tỷ giá trên thị trường tiếp tục nhích lên, tăng khoảng 0,4-0,6% so với tháng 7/2025. Tính từ đầu năm đến hết tháng 8/2025, tỷ giá đã giảm 2,8-3,6% trên cả thị trường chính thức và tự do. Ngoài yếu tố cầu ngoại tệ, áp lực tỷ giá còn đến từ tình trạng găm giữ USD trong bối cảnh Ngân hàng Nhà nước đang thực hiện nới lỏng chính sách tiền tệ để hỗ trợ tăng trưởng.

Bên cạnh đó, giá đô la Mỹ trong nước biến động ngược chiều với giá thế giới. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 8/2025 tăng 0,36% so với tháng trước; tăng 4,43% so với cùng kỳ năm 2024; tăng 3,67% so với tháng 12/2024; bình quân 8 tháng đầu năm 2025 tăng 3,45% so với cùng kỳ năm trước.

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ TRUNG TÂM VND VỚI ĐỒNG USD THÁNG 8/2025

Đơn vị tính: VND/USD

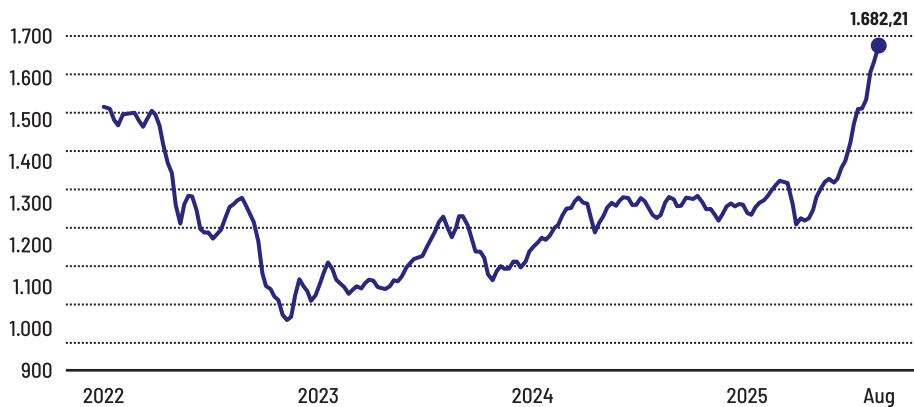


Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

1.2.4. Chứng khoán

Tháng 8/2025, thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận một tháng bùng nổ, bất chấp áp lực bán ròng kỷ lục từ khối ngoại. VN-Index tăng gần 180 điểm, tương đương gần 12%, khép lại ở mức 1.682 điểm - mức tăng mạnh nhất kể từ tháng 01/2018, phản ánh dòng tiền nội dồi dào và tâm lý hưng phấn lan tỏa.

VN-INDEX TĂNG 12% TRONG 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2025, MỨC TĂNG CAO NHẤT TRONG HƠN 7 NĂM QUA



Nguồn: VnExpress

Động lực tăng trưởng đến từ nhóm chứng khoán với thanh khoản liên tục lập đỉnh, cùng với ngân hàng nhờ tăng trưởng tín dụng tích cực, định giá còn hấp dẫn và kỳ vọng nâng hạng thị trường. Ngoài ra, các ngành bất động sản, cảng biển, bảo hiểm, bán lẻ và thép đồng loạt tăng giá, củng cố đà đi lên của chỉ số. Ở chiều ngược lại, cổ phiếu dệt may, khu công nghiệp và công nghệ - viễn thông ghi nhận điều chỉnh, cho thấy sự phân hóa theo ngành nghề.

Ngoài ra, nhóm cổ phiếu dầu khí cũng ghi nhận những diễn biến sôi động và trở thành một trong những điểm sáng, hưởng lợi từ đà tăng giá dầu thế giới cũng như

kỳ vọng vào các dự án năng lượng trọng điểm trong nước. Các mã lớn như GAS, PVD, PVS, OIL và PLX đều tăng mạnh, nhiều cổ phiếu ghi nhận mức tăng hai chữ số nhờ triển vọng lợi nhuận cải thiện và dòng tiền đầu tư đổ vào nhóm ngành này. Đặc biệt, PVS và PVD dẫn đầu đà tăng nhờ kỳ vọng gia tăng hoạt động dịch vụ dầu khí khi nhiều dự án thăm dò - khai thác được thúc đẩy, trong khi PLX và OIL được hỗ trợ bởi nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước phục hồi cùng biên lợi nhuận kinh doanh cải thiện. Bên cạnh đó, thông tin tích cực về tiến độ dự án khí Lô B - Ô Môn cũng góp phần củng cố niềm tin của nhà đầu tư đối với nhóm cổ phiếu dầu khí.

Dự báo triển vọng thị trường chứng khoán Việt nam trong những tháng cuối năm vẫn được đánh giá tích cực, khi lợi nhuận toàn thị trường năm 2025 dự kiến tăng khoảng 20% so với 2024, tạo nền tảng để VN-Index hướng tới vùng 1.700 - 1.750 điểm. Các yếu tố hỗ trợ thị trường bao gồm khả năng FED bắt đầu chu kỳ hạ lãi suất từ tháng 9/2025, quyết tâm tăng trưởng GDP 8,3% - 8,5% của Chính phủ, cùng nhiều chính sách thúc đẩy tín dụng, tài khóa và giải ngân đầu tư công. Đặc biệt, kỳ vọng nâng hạng thị trường vào khoảng tháng 9/2025 có thể tạo cú hích lớn cho dòng vốn ngoại quay trở lại thị trường trong ngắn hạn.

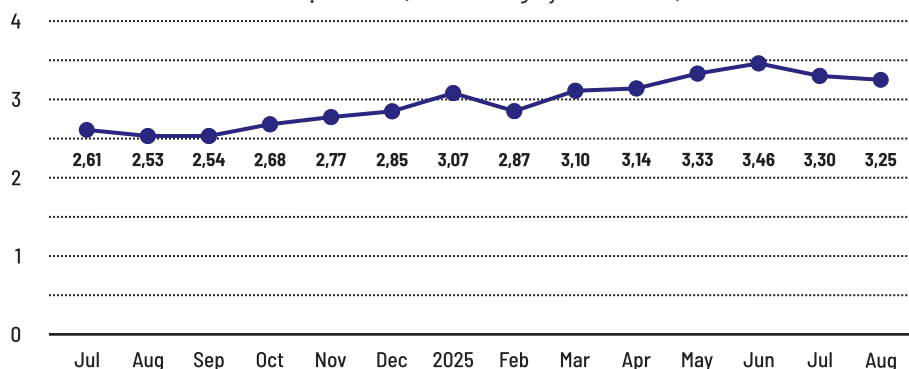
1.2.5. Lạm phát

Lạm phát cơ bản tháng 8/2025 tăng 0,19% so với tháng trước và tăng 3,25% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 8 tháng đầu năm 2025, lạm phát cơ bản tăng 3,19% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 3,25% của CPI bình quân chung, chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, giá dịch vụ y tế, dịch vụ giáo dục là các yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Trong thời gian tới, lạm phát tại Việt Nam được dự báo sẽ chịu nhiều sức ép gia tăng khi tín dụng toàn nền kinh tế đã vượt mức 11% tính đến cuối tháng 8/2025, trong khi lạm phát cơ bản duy trì trên 3% - ngưỡng cảnh báo quan trọng trong điều hành chính sách tiền tệ. Áp lực này đến từ cả yếu tố quốc tế và trong nước: giá năng lượng và nguyên vật liệu đầu vào vẫn neo cao, chi phí nhập khẩu gia tăng do biến động khó lường của thị trường toàn cầu. Trong khi đó, ở trong nước, giá thuê nhà và chi phí ăn uống ngoài gia đình tăng nhanh, cùng với việc điều chỉnh giá một số mặt hàng do Nhà nước quản lý, tiếp tục tạo sức ép lên chỉ số giá tiêu dùng. Bên cạnh đó, biến động mạnh của giá vàng cũng làm rủi ro lạm phát ngày càng gia tăng.

DIỄN BIẾN LẠM PHÁT CƠ BẢN ĐẾN THÁNG 8/2025

Đơn vị tính: % (so với cùng kỳ năm trước)



Nguồn: Cục Thống kê

2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM

2.1. Về chủ trương, chính sách

▪ Bộ Công Thương đề xuất 2 giải pháp chống gas giả

Nhằm tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho doanh nghiệp kinh doanh gas, Bộ Công Thương đề xuất 2 giải pháp, gồm: Quy định lập sổ theo dõi hoặc cơ sở dữ liệu điện tử áp dụng đối với loại hình kinh doanh thực sự cần thiết trong chuỗi kinh doanh khí đó là loại hình thương nhân kinh doanh LPG chai và Quy định về truy xuất nguồn gốc LPG chai khi lưu thông trên thị trường.

Theo Bộ Công Thương, cả 2 giải pháp đưa ra có tác động tích cực trong việc quản lý, đảm bảo an toàn và mang lại lợi ích chủ yếu như: giúp phát hiện các LPG chai giả, hàng nhái hoặc chai LPG trôi nổi, không đạt tiêu chuẩn về an toàn và chất lượng; giúp tìm ra nguyên nhân và đối phó nhanh với các sự cố liên quan đến an toàn hoặc chất lượng do thông tin chi tiết về sản phẩm, từ quá trình sản xuất đến vận chuyển, lưu trữ và bán hàng được lưu trữ và cung cấp nhanh chóng. Tuy nhiên, hai giải pháp nêu trên đều yêu cầu doanh nghiệp phải đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực và chỉ phù hợp với các doanh nghiệp lớn, có tiềm lực về kinh tế.

Theo Bộ Công Thương giải pháp thứ nhất có tác động tạo điều kiện thuận lợi hơn cho thương nhân kinh doanh LPG chai khi chỉ áp dụng đối với một số khâu trong chuỗi kinh doanh LPG chai để doanh nghiệp thuận lợi khi triển khai, góp phần giảm chi phí, thời gian cho doanh nghiệp đảm bảo tính hiệu quả và khả thi, ngăn chặn tình trạng gian lận trong thương mại. Còn giải pháp 2 có tác động giúp người tiêu dùng có quyền biết rõ về xuất xứ, quá trình sản xuất, chiết nạp và lưu thông của chai LPG và LPG chai từ đó có thể đưa ra quyết định mua hàng.

▪ Bộ Tài chính đề xuất phương án thuế bảo vệ môi trường với xăng dầu năm 2026

Bộ Tài chính cho biết giá xăng dầu vốn biến động khó lường, phụ thuộc nhiều vào giá thành phẩm thế giới, trong bối cảnh có nhiều yếu tố rủi ro như căng thẳng địa chính trị hay chính sách thuế quan của các nước lớn. Bộ Tài chính sẽ tiếp tục phối hợp các bộ, ngành theo dõi chặt chẽ để tham mưu phương án điều chỉnh thuế bảo vệ môi trường phù hợp với tình hình thực tế từng thời kỳ.

Theo Bộ Tài chính, việc duy trì mức thuế bảo vệ môi trường như giai đoạn 2022-2025 được coi là phương án khả thi nhất để giữ ổn định giá trong nước và hỗ trợ phục hồi kinh tế. Tuy nhiên, dự kiến việc giảm thuế sẽ làm hụt thu ngân sách khoảng 43.108 tỷ đồng trong năm 2026. Để bù đắp, Bộ cho biết sẽ tăng cường chống thất thu, ngăn chặn trốn thuế, đồng thời tiết kiệm chi tiêu ngân sách.

Bộ Tài chính khẳng định, thuế bảo vệ môi trường là một loại thuế gián thu, đánh vào các sản phẩm, hàng hóa có quá trình sử dụng gây tác động xấu đến môi trường. Chính sách này nhằm mục tiêu hạn chế nhập khẩu, sản xuất và tiêu dùng những mặt hàng gây ô nhiễm, đồng thời khuyến khích phát triển và sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường. Nhờ đó, thuế bảo vệ môi trường góp phần kiểm soát phát

thải ngay từ khâu nguồn, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong toàn xã hội, bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế và kiểm soát ô nhiễm, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Đối với nhiên liệu bay, dự thảo ban đầu tính mức thuế bảo vệ môi trường 2.000 đồng/lít. Tuy nhiên, trên cơ sở ý kiến góp ý, Bộ Tài chính đã điều chỉnh xuống 1.500 đồng/lít - tương đương 50% mức khung quy định tại Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 và bằng mức giảm đang áp dụng với xăng, dầu diesel, mazut, mỡ nhờn.

Bên cạnh đó, theo báo cáo của Cục Hàng không Việt Nam, 6 tháng đầu năm 2025, thị trường hàng không đạt hơn 41 triệu lượt khách, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2024. Doanh thu và lợi nhuận của các hãng lớn như Vietnam Airlines hay Vietjet Air đều tăng trưởng tích cực. Dù vậy, ngành hàng không vẫn đối diện nhiều thách thức, cần chính sách hỗ trợ để duy trì đà phục hồi, nhưng cũng phải bảo đảm sự công bằng với các loại hình vận tải khác.

Trên cơ sở ý kiến này, để tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp hàng không nhưng vẫn đảm bảo công bằng với các lĩnh vực vận tải khác như đường sắt, đường bộ, Bộ Tài chính đề nghị quy định mức thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay là 1.500 đồng/lít, tương đương 50% mức thuế khung quy định tại Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14, và bằng mức giảm áp dụng cho xăng, dầu diesel, dầu mazut, dầu nhờn, mỡ nhờn.

Bộ Tài chính cho biết, dự kiến, Luật Thuế bảo vệ môi trường (sửa đổi) sẽ được trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp tháng 5/2026 và có hiệu lực từ ngày 1/1/2027, giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội thẩm quyền quy định mức thuế cụ thể trong khung thuế. Khi đó, sẽ có cơ sở đánh giá toàn diện hơn về tác động của chính sách đối với xăng, dầu, mỡ nhờn.

■ ***Đề xuất dừng sản xuất, nhập ô tô liên quan tiêu thụ nhiên liệu xăng***

Theo đề xuất của Bộ Xây dựng, các hãng sản xuất lắp ráp và nhập khẩu ô tô sẽ phải tuân thủ hạn mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình của toàn bộ các mẫu xe bán ra (CAFC). Bộ Xây dựng kỳ vọng đến năm 2030, CAFC của toàn bộ mảng ô tô con tại Việt Nam ở mức 4,83 lít/100 km.

Theo đó, nếu vượt ngưỡng mức tiêu hao nhiên liệu 4,83 lít/100 km, hãng xe có thể mua tín chỉ bù trừ từ các hãng khác có mức tiêu thụ nhiên liệu dưới ngưỡng. Sau 3 năm, nếu các hãng vẫn không đáp ứng mức tiêu thụ nhiên liệu quy định, cơ quan chức năng sẽ buộc hãng xe đó dừng sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu cho đến khi có phương án phù hợp.

Thực tế, đề xuất vừa nêu tương tự như việc mua bán tín chỉ carbon phổ biến trên thế giới. Điều này hướng tới việc các doanh nghiệp sản xuất ô tô phải chuẩn bị phương án điều chỉnh mức CAFC trong các năm tiếp theo bằng cách đổi mới công nghệ, dần loại bỏ các dòng xe tiêu tốn nhiên liệu ra khỏi danh mục đầu tư sản xuất và tăng sản lượng xe sử dụng năng lượng xanh.

■ ***Nghị quyết số 70-NQ/TW của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045***

Ngày 20/8/2025, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết 70-NQ/TW về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, Nghị quyết 70-NQ/TW đã đặt ra yêu cầu phải bảo đảm nguồn năng lượng chất lượng cao, giá hợp lý, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế.

Đặc biệt, trong Nghị quyết 70 đã yêu cầu cơ cấu lại ngành điện, phát triển thị trường năng lượng theo hướng cạnh tranh, minh bạch và hiệu quả. Người dân và doanh nghiệp sẽ có quyền lựa chọn đơn vị bán lẻ điện phù hợp thay vì chỉ mua từ EVN như hiện nay.

Bộ Chính trị cũng yêu cầu triển khai hiệu quả cơ chế mua bán điện trực tiếp (DPPA), đồng thời hoàn thiện hệ thống giao dịch điện minh bạch, ổn định, dài hạn, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của cả nhà đầu tư và khách hàng. Doanh nghiệp tư nhân được khuyến khích tham gia mạnh mẽ vào các dự án lưu trữ năng lượng, hạ tầng LNG, kho xăng dầu và phát triển điện gió ngoài khơi.

Bên cạnh đó, đến năm 2030, Việt Nam đặt mục tiêu:

- *Tổng cung năng lượng sơ cấp: 150-170 triệu tấn dầu quy đổi.*
- *Tổng công suất các nguồn điện: 183-236 GW.*
- *Tổng sản lượng điện: 560-624 tỷ kWh.*
- *Tỷ lệ năng lượng tái tạo: 25-30% tổng cung năng lượng sơ cấp.*
- *Tiết kiệm năng lượng: 8-10% so với kịch bản phát triển bình thường.*
- *Độ tin cậy cung cấp điện: thuộc top 3 nước dẫn đầu ASEAN.*

Đáng chú ý, Bộ Chính trị lần đầu tiên nêu yêu cầu sớm triển khai điện hạt nhân tại Ninh Thuận 1 và 2, cũng như nghiên cứu phát triển nhà máy điện hạt nhân module nhỏ trong giai đoạn 2030-2035.

Đến năm 2045, Việt Nam đặt mục tiêu bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia, phát triển thị trường năng lượng cạnh tranh, bình đẳng, minh bạch, hiệu quả; ngành năng lượng hiện đại, bền vững, giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng biến đổi khí hậu và hội nhập sâu với khu vực, quốc tế.

Nghị quyết định hướng mở rộng thủy điện tích năng, nhập khẩu điện dài hạn từ nước ngoài, phát triển có chọn lọc các dự án thủy điện vừa và nhỏ. Điện gió, điện mặt trời tiếp tục được ưu tiên, đặc biệt là điện gió ngoài khơi và điện mặt trời mái nhà tự sản, tự tiêu.

Ngoài ra, Việt Nam cũng ưu tiên phát triển nhiệt điện khí LNG, rà soát cơ chế giá để thu hút đầu tư, khuyến khích chuyển đổi nhiên liệu tại các nhà máy nhiệt điện than. Bên cạnh đó, Bộ Chính trị yêu cầu xây dựng chiến lược dự trữ năng lượng quốc gia, phát triển các hệ thống pin lưu trữ quy mô lớn và công nghệ lưu trữ tiên tiến. Đồng thời, chú trọng đào tạo 25.000-35.000 kỹ sư, chuyên gia năng lượng, nhất là trong lĩnh vực điện hạt nhân, năng lượng tái tạo, năng lượng mới. Chính sách cũng khuyến khích thu hút chuyên gia nước ngoài và Việt kiều tham gia vào lĩnh vực này.

2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Ngày 05/8/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 226/NQ-CP, đặt mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực và địa phương, với yêu cầu bảo đảm tốc độ tăng trưởng GDP cả nước năm 2025 đạt 8,3 - 8,5%. Mục tiêu này đã nhiều lần được Lãnh đạo Đảng và Nhà nước tái khẳng định trong các chỉ đạo, dựa trên yêu cầu phát triển chung cũng như những kết quả tích cực đạt được trong những tháng đầu năm 2025. Đây được xem là nền tảng quan trọng để hướng tới mục tiêu cao hơn, phấn đấu đưa tốc độ tăng trưởng GDP năm 2026 đạt từ 10% trở lên.

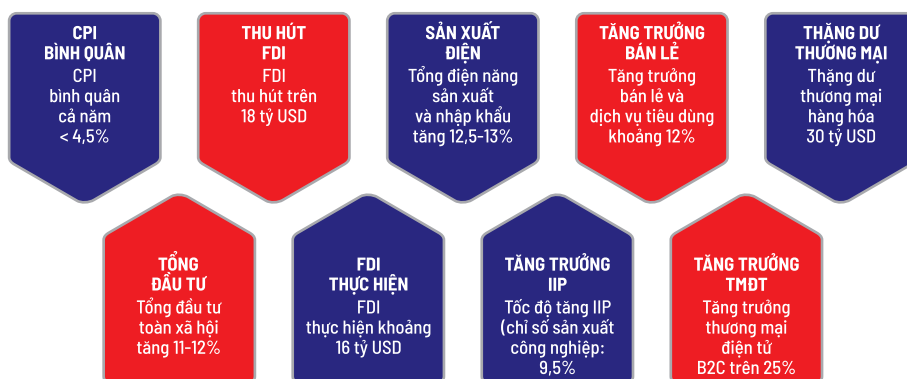
Để đạt mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2025 từ 8,3 đến 8,5%, Nghị quyết 226/NQ-CP cũng đưa ra các chỉ tiêu cụ thể khác như:

- CPI bình quân cả năm dưới 4,5%; Tổng đầu tư toàn xã hội tăng 11-12%; FDI thu hút trên 18 tỷ USD; FDI thực hiện khoảng 16 tỷ USD; Tổng điện năng sản xuất và nhập khẩu tăng 12,5-13%.
- Tốc độ tăng IIP (chỉ số sản xuất công nghiệp): 9,5%; Tăng trưởng bán lẻ và dịch vụ tiêu dùng khoảng 12%; Tăng trưởng thương mại điện tử B2C trên 25%; Thặng dư thương mại hàng hóa 30 tỷ USD.

Bên cạnh đó, các động lực chính để đạt mục tiêu tăng trưởng GDP được nêu tại Nghị quyết 226 gồm:

- Đầu tư công: Giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025, đẩy nhanh các dự án hạ tầng lớn, phấn đấu hoàn thành 3.000 km đường cao tốc.
- Đầu tư tư nhân và FDI: Tập trung thu hút các dự án công nghệ cao, giữ môi trường sạch, chuyển giao công nghệ.
- Tiêu dùng nội địa: Tăng trưởng thương mại điện tử và tiêu dùng hàng Việt.
- Xuất khẩu: Mở rộng thị trường, tận dụng hiệu quả các FTA đã ký kết.
- Chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, kinh tế xanh: Đẩy mạnh phát triển các ngành mới nổi như AI, dữ liệu lớn, công nghiệp văn hóa...

MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ CHÍNH THEO NGHỊ QUYẾT 226/NQ-CP NHẪM ĐẠT MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG GDP NĂM 2025 TỪ 8,3 - 8,5%



Nguồn: Nghị quyết số 226/NQ-CP



THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO

1. THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

1.1. Thông tin trong kỳ

1.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

■ *Cung dầu mỏ*

Trong tháng 8/2025, nguồn cung dầu mỏ toàn cầu ghi nhận nhiều biến động trái chiều do căng thẳng địa chính trị leo thang.

Trong tháng qua, Ukraine tiếp tục gia tăng tấn công vào cơ sở hạ tầng năng lượng của Nga, buộc hoạt động vận chuyển dầu qua eo biển Kerch tạm dừng. Bên cạnh đó, chỉ vài ngày sau khi dòng chảy trên đường ống Druzhba đến Hungary và Slovakia vừa được khôi phục, Ukraine lại tập kích vào trạm bơm, khiến nguồn cung cho Trung Âu một lần nữa bị gián đoạn.

Ở chiều ngược lại, xuất khẩu dầu thô từ khu vực Kurdistan (Iraq) sang cảng biển Thổ Nhĩ Kỳ trên Địa Trung Hải đã được nối lại, góp phần bù đắp thiếu hụt nguồn cung khu vực.

Trong khi đó, tại Nga, thị trường dầu mỏ nước này phải đối mặt với tình trạng thiếu hụt xăng trong nước do nhu cầu tăng cao và các vụ tấn công bằng drone nhằm vào nhà máy lọc dầu, khiến Nga phải gia hạn lệnh cấm xuất khẩu xăng đến cuối tháng 9/2025. Tuy nhiên, để bù đắp công suất lọc dầu bị gián đoạn, Nga đã tăng xuất khẩu dầu thô từ các cảng phía Tây thêm khoảng 200.000 thùng/ngày trong tháng qua, làm dấy lên lo ngại nguồn cung toàn cầu có thể bị ảnh hưởng mạnh nếu xung đột leo thang.

Mặt khác, sản lượng dầu thô của OPEC trong tháng qua tăng khoảng 400.000 thùng/ngày, đạt 28,55 triệu thùng/ngày. Trong đó, Ả Rập Xê-út chiếm hơn một nửa mức tăng, trong khi Kazakhstan vượt hạn ngạch cam kết và Iraq tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu bất chấp tranh chấp với khu vực Kurdistan.

■ *Cầu dầu mỏ*

Trong tháng 8/2025, nhu cầu dầu mỏ toàn cầu ghi nhận xu hướng tăng trưởng rõ rệt, với động lực chính đến từ khu vực châu Á.

Nhập khẩu dầu của châu Á đạt 27,18 triệu thùng/ngày - mức cao nhất trong hơn một năm qua - chủ yếu do nhu cầu đến từ Trung Quốc.

Tại Trung Quốc, quốc gia này đã tận dụng nguồn dầu Nga giá chiết khấu để gia tăng mua vào, trong đó dầu Urals từ các cảng Baltic và Biển Đen nhập về nửa đầu tháng đạt gần 75.000 thùng/ngày, gấp đôi mức trung bình từ đầu năm.

Ngược lại, nhập khẩu dầu của Ấn Độ giảm 4% xuống 4,5 triệu thùng/ngày do nhu cầu trong nước chậm lại, nhưng riêng lượng dầu Nga nhập khẩu vẫn tăng 5,6% lên 1,6 triệu thùng/ngày, phản ánh sự phụ thuộc lớn vào nguồn cung này.

Tại Mỹ, nhu cầu xăng dầu giữ ở mức cao trong mùa lái xe cuối hè, dù tốc độ tăng chậm lại do tồn kho đã được bổ sung từ tháng trước.

Tại Châu Âu, nhu cầu dầu ổn định hơn nhờ hoạt động công nghiệp phục hồi nhẹ và mùa du lịch thúc đẩy vận tải.

Tại Trung Đông, tiêu thụ dầu nội địa tăng mạnh vì nhu cầu điện năng cao trong mùa nóng, buộc nhiều nước gia tăng nhập khẩu dầu thành phẩm.

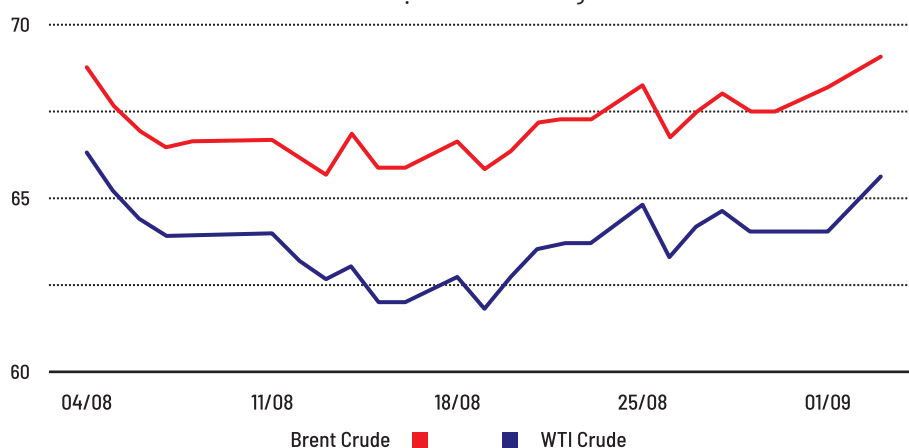
Ngoài ra, tại châu Phi, nhu cầu dầu tăng vừa phải, chủ yếu nhờ cải thiện cơ sở hạ tầng năng lượng và phục hồi sản xuất công nghiệp.

■ *Diễn biến giá*

Trong tháng 8/2025, giá dầu thế giới tiếp tục biến động mạnh do sự tác động đồng thời của căng thẳng địa chính trị Nga - Ukraine, các chính sách thuế quan mới của Mỹ và quyết định sản lượng của Tổ chức Các Nước Xuất khẩu Dầu Mỏ và Các Nước Đồng Minh (OPEC+). Giá dầu có xu hướng giảm trong tháng qua khi triển vọng hòa bình giữa Nga và Ukraine được cải thiện, mở ra kỳ vọng về khả năng dỡ bỏ trừng phạt đối với dầu Nga, qua đó tăng nguồn cung toàn cầu. Bên cạnh đó, giá dầu cũng chịu áp lực giảm bởi tâm lý lo ngại về triển vọng kinh tế toàn cầu và dấu hiệu nhu cầu tiêu thụ dầu chậm lại tại các thị trường châu Á, khiến thị trường dầu mỏ rơi vào trạng thái bi quan về nhu cầu trong tương lai.

DIỄN BIẾN GIÁ DẦU THÔ BRENT VÀ GIÁ DẦU THÔ WTI TRONG THÁNG 8/2025

Đơn vị tính: USD/thùng



Nguồn: Oil Price

1.1.2. Thị trường trong nước

■ *Cung dầu mỏ*

Trong tháng 8/2025, mặc dù tình hình địa chính trị thế giới có nhiều bất ổn khiến giá xăng dầu có những thời điểm biến động, tuy nhiên nguồn cung trong nước vẫn đảm bảo ổn định, đủ cho hệ thống phân phối theo kế hoạch và dự trữ lưu thông theo quy định.

Đáng chú ý, sau hơn 10 tháng ngưng vận hành thương mại, Tổ hợp Hóa dầu Long Sơn (LSP) đã tái khởi động khi giá dầu thô giảm, giúp cải thiện biên lợi nhuận, tạo thêm nguồn cung mới cho thị trường.

Bên cạnh đó, từ ngày 1/8/2025, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) và Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) đã triển khai thí điểm bán xăng sinh học E10 tại 42 trạm xăng, trong đó có 36 điểm tại TP. HCM, 4 điểm tại Hà Nội và 2 điểm tại Hải Phòng. Việc thí điểm nhanh chóng ghi nhận phản hồi tích cực từ người tiêu dùng, cho thấy tiềm năng mở ra một phân khúc nhiên liệu thân thiện với môi trường tại Việt Nam. Sau một tháng triển khai, PVOIL cho biết 4 cửa hàng tại Hà Nội đạt mức tiêu thụ trung bình gần 10 m³ xăng E10 mỗi ngày.

■ *Cầu dầu mỏ*

Nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong tháng 8/2025 tiếp tục duy trì xu hướng tăng, đặc biệt với xăng E10.

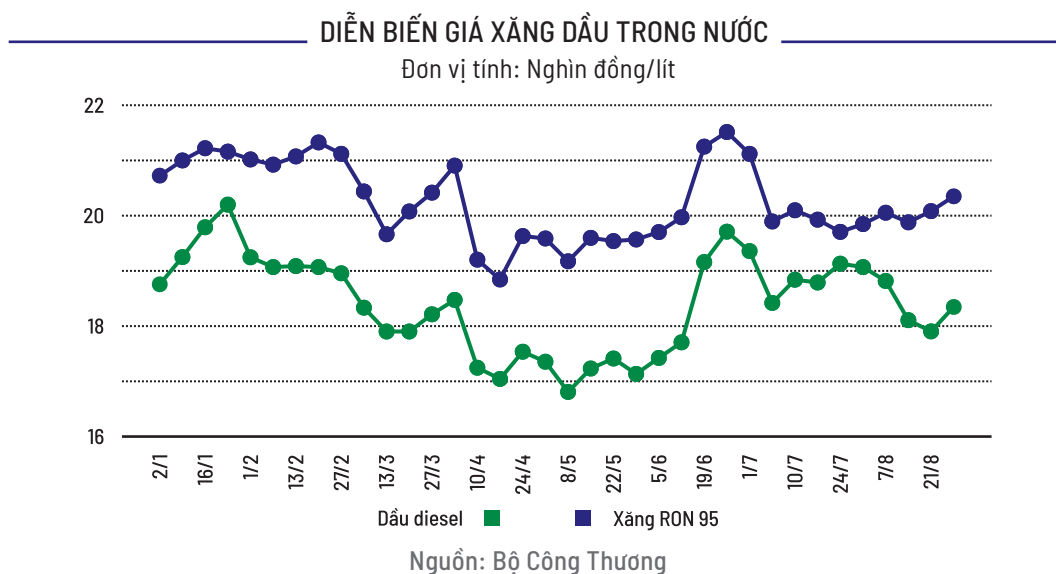
Theo PVOIL, chỉ trong một tháng thí điểm, tổng lượng xăng E10 bán ra đạt 238.000 lít, trong đó cửa hàng PVOIL Nghĩa Tân dẫn đầu với hơn 108.000 lít. Các điểm bán khác như PVOIL Liên Ninh (64.000 lít), PVOIL Thái Thịnh (57.000 lít) và PVOIL Châu Can (9.000 lít) cũng ghi nhận lượng tiêu thụ ổn định.

Tại TP.HCM, sản lượng E10 còn khiêm tốn nhưng cho thấy tín hiệu khả quan khi người dân dần chấp nhận loại nhiên liệu mới.

■ *Diễn biến giá*

Trong tháng 8/2025, giá xăng dầu trong nước biến động theo những tác động đan xen từ thị trường thế giới, đặc biệt là các yếu tố địa chính trị khiến giá có thời điểm tăng. Tuy nhiên, nhờ nguồn cung trong nước ổn định cùng việc tái khởi động các dự án lớn như Tổ hợp Hóa dầu Long Sơn (LSP), thị trường không xảy ra tình trạng khan hiếm. Đồng thời, sự xuất hiện của xăng sinh học E10 đã tạo thêm một kênh cạnh tranh mới, góp phần giữ mặt bằng giá ổn định và khuyến khích người tiêu dùng chuyển sang sử dụng nhiên liệu xanh với mức chiết khấu hợp lý.

Tính từ đầu năm đến hết tháng 8/2025, giá xăng dầu trong nước đã trải qua 34 phiên điều chỉnh, gồm 19 lần tăng, 14 lần giảm và 1 lần tăng giảm đan xen.



1.2. Dự báo

1.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

■ Cung dầu mỏ

Triển vọng nguồn cung dầu mỏ toàn cầu tiếp tục được dự báo sẽ có xu hướng dư thừa.

Ngày 13/8, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) cảnh báo nguồn cung hiện đã vượt xa nhu cầu, có nguy cơ tạo ra một lượng dầu dư thừa lớn trên thị trường. Với việc OPEC duy trì chính sách tăng sản lượng, *IEA dự báo nguồn cung dầu toàn cầu sẽ tăng thêm 2,5 triệu thùng/ngày trong năm nay, dẫn tới tình trạng dư thừa khoảng 2 triệu thùng/ngày có thể kéo dài đến năm 2026*. Diễn biến này cho thấy nguồn cung đang tăng trưởng nhanh hơn nhu cầu và sẽ tiếp tục gây áp lực lên thị trường trong trung hạn.

■ Cầu dầu mỏ

Trong tháng qua, các tổ chức năng lượng quốc tế đã điều chỉnh dự báo nhu cầu dầu mỏ, cho thấy sự đối lập khi IEA bi quan còn OPEC vẫn giữ quan điểm lạc quan.

Tuy nhiên, điểm chung được ghi nhận là xu hướng tiêu thụ dầu đang chậm lại do sự trỗi dậy nhanh chóng của xe điện, tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu giảm sút và tình trạng dư thừa công suất hóa dầu tại Trung Quốc - quốc gia giữ vai trò trung tâm trong nhu cầu năng lượng châu Á. Điều này khiến khu vực châu Á, vốn là thị trường tiêu thụ dầu lớn nhất thế giới, bắt đầu bước vào giai đoạn chững lại rõ rệt, ảnh hưởng trực tiếp đến cán cân cung - cầu toàn cầu.

Ngày 12/8, *Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) dự báo nhu cầu dầu sẽ tăng 1,3 triệu thùng/ngày trong năm 2025 và tiếp tục tăng thêm 1,4 triệu thùng/*

ngày vào năm 2026. Trong đó, phần lớn mức tăng đến từ các quốc gia ngoài OECD, phản ánh xu hướng công nghiệp hóa, đô thị hóa và nhu cầu vận tải vẫn gia tăng mạnh mẽ ở các nền kinh tế đang phát triển. Với OECD, *OPEC dự báo nhu cầu cũng được cải thiện nhẹ, tăng thêm khoảng 200.000 thùng/ngày trong năm 2026* - gấp đôi so với ước tính trước đó.

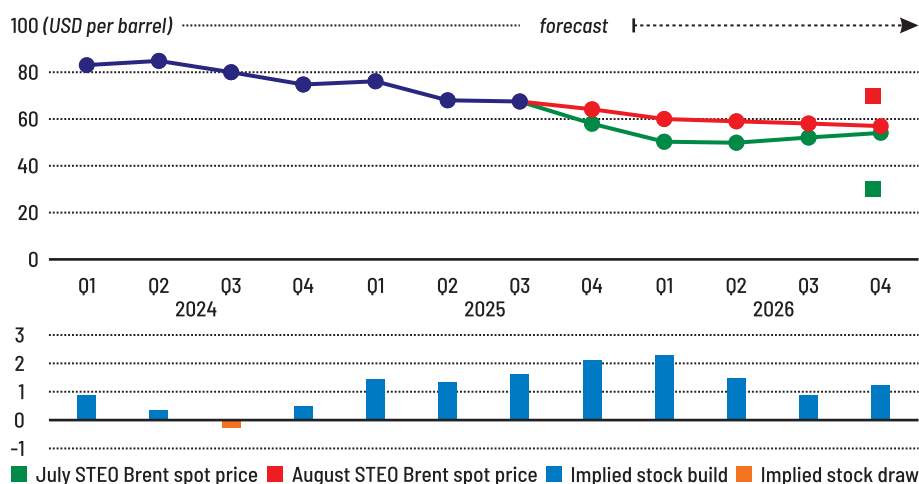
Ngược lại, ngày 13/8, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) lại đưa ra cái nhìn bi quan hơn nhiều. *IEA hạ dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu toàn cầu năm 2025 xuống chỉ còn 680.000 thùng/ngày* - mức thấp nhất kể từ năm 2009 nếu loại trừ giai đoạn dịch Covid-19. Cơ quan này cũng hạ dự báo *tăng trưởng nhu cầu dầu năm 2026 xuống còn 700.000 thùng/ngày*, nhấn mạnh rằng mức sụt giảm chủ yếu xuất phát từ triển vọng tiêu thụ yếu ở Trung Quốc, Ấn Độ và Brazil - những nền kinh tế lớn đang chịu áp lực từ tăng trưởng chậm lại và chính sách thuế quan cao từ Mỹ. Theo IEA, những yếu tố này sẽ khiến đà tăng nhu cầu dầu toàn cầu khó bứt phá trong vài năm tới.

■ Diễn biến giá

Trong thời gian tới, các yếu tố địa chính trị và chính sách thương mại toàn cầu đang tạo ra nhiều áp lực giảm giá dầu.

Ngày 12/8, Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) dự báo giá dầu Brent giao ngay trung bình dưới 60 USD/thùng trong quý IV/2025 và duy trì quanh mức 50 USD/thùng đến năm 2026, do nguồn cung tăng mạnh hơn nhu cầu.

— DỰ BÁO GIÁ DẦU BRENT GIAO NGAY TRUNG BÌNH TRONG GIAI ĐOẠN 2025-2026 —



Nguồn: EIA

Ngoài ra, trong tháng qua, *Goldman Sachs cũng hạ phạm vi giá Brent năm 2025 xuống còn 70-85 USD/thùng*. Ngân hàng này thậm chí cảnh báo *giá Brent có thể giảm xuống 50 USD/thùng vào năm 2026 nếu thị trường rơi vào tình trạng dư cung khoảng 1,8 triệu thùng/ngày*.

1.2.2. Thị trường trong nước

▪ *Cung dầu mỏ*

Trong những tháng cuối năm 2025, nguồn cung xăng dầu trong nước được dự báo sẽ có những thay đổi quan trọng khi nhiên liệu sinh học bắt đầu được đưa vào thị trường.

Từ tháng 9/2025, Công ty Cổ phần Lọc hóa Dầu Bình Sơn (BSR) và PVOIL sẽ bắt đầu cung ứng ra thị trường từ 700 - 1.000 m³ xăng sinh học E10 RON95 mỗi tháng và sẽ tăng dần sản lượng trong những tháng tiếp theo. Cùng với việc tái khởi động Nhà máy Nhiên liệu sinh học Dung Quất và đưa mục tiêu phát triển xăng E10 vào chiến lược đến năm 2030, tầm nhìn 2045, ngành dầu khí trong nước đang hướng tới mục tiêu đến ngày 1/1/2026, toàn bộ thị trường miền Trung và cả nước sẽ sử dụng xăng E10.

Song song đó, các dự án thăm dò và khai thác lớn giai đoạn 2025 - 2027 cũng được triển khai đồng loạt, mở ra cơ hội gia tăng sản lượng thượng nguồn và thúc đẩy nhu cầu về dịch vụ hậu cần, kho chứa và logistics.

▪ *Cầu dầu mỏ*

Nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước dự báo tiếp tục duy trì ở mức cao, được thúc đẩy bởi tăng trưởng kinh tế và sự phục hồi của các lĩnh vực vận tải, công nghiệp và thương mại.

Việc bổ sung nguồn cung xăng sinh học không chỉ đáp ứng xu hướng tiêu dùng xanh mà còn kỳ vọng sẽ thu hút thêm người tiêu dùng nhờ chính sách giá cạnh tranh và định hướng giảm phát thải carbon.

Trong ngắn hạn, nhu cầu xăng dầu được đánh giá ổn định, song có thể xuất hiện sự chuyển dịch trong cơ cấu tiêu thụ khi người dân và doanh nghiệp dần làm quen với E10 thay cho xăng truyền thống.

▪ *Diễn biến giá*

Giá xăng dầu trong nước thời gian tới nhiều khả năng sẽ có diễn biến ổn định, nhưng vẫn chịu ảnh hưởng từ các yếu tố quốc tế và chính sách thuế nội địa.

Việc giảm thuế VAT xuống 8% tiếp tục hỗ trợ kiềm chế giá bán lẻ, trong khi sự xuất hiện của xăng E10 được kỳ vọng góp phần đa dạng hóa sản phẩm và giữ giá ở mức hợp lý cho người tiêu dùng. Tuy nhiên, do còn phụ thuộc vào giá dầu thô thế giới và chi phí logistics, mặt bằng giá xăng dầu trong nước được dự báo vẫn duy trì ở mức cao so với giai đoạn trước, phản ánh áp lực cạnh tranh và chi phí đầu vào chưa giảm đáng kể.

2. THỊ TRƯỜNG KHÍ

2.1. Thông tin trong kỳ

2.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

■ Cung khí

Trong tháng 8/2025, thị trường khí đốt toàn cầu ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực từ phía nguồn cung.

Tại châu Âu, mức dự trữ khí đốt tính đến ngày 25/8 đạt khoảng 76% công suất, tương đương 85 tỷ m³, thấp hơn so với mức 92% cùng kỳ năm 2024 và dưới trung bình 10 năm (80,5%). Tuy nhiên, nhờ bổ sung thêm nguồn cung từ Canada và LNG nhập khẩu ổn định, khu vực này vẫn được kỳ vọng đạt ngưỡng 90% trước mùa sưởi ấm tháng 10/2025, qua đó giảm bớt áp lực an ninh năng lượng.

Ở Bắc Mỹ, Mỹ tiếp tục khẳng định vai trò là nhà xuất khẩu LNG lớn nhất thế giới, với sản lượng tháng qua đạt mức cao kỷ lục khi các nhà máy hoàn tất bảo trì và dự án Plaquemines của Venture Global gia tăng công suất.

Ngoài ra, Qatar và Australia vẫn duy trì nguồn cung khí ổn định.

Trong khi đó, Nga dù hạn chế xuất khẩu sang châu Âu vẫn đẩy mạnh dòng khí sang châu Á thông qua hệ thống đường ống.

■ Cầu khí

Nhu cầu khí đốt toàn cầu trong tháng 8/2025 tiếp tục có sự phân hóa rõ rệt.

Trung Quốc ghi nhận tháng thứ 10 liên tiếp giảm nhập khẩu LNG so với cùng kỳ năm trước, phản ánh xu hướng nhu cầu suy yếu kéo dài do kinh tế tăng trưởng chậm và giá LNG quốc tế vẫn ở mức cao.

Bên cạnh đó, Ấn Độ cũng có mức tiêu thụ khí đốt bị hạn chế bởi chi phí.

Ngược lại, Nhật Bản và Hàn Quốc đang gia tăng mua LNG từ Mỹ để đảm bảo nguồn cung ổn định cho mùa đông, trong bối cảnh một số hợp đồng thương mại mới được ký kết.

Tại châu Âu, nhu cầu LNG vẫn ở mức ổn định nhưng không quá cao do dự trữ mùa hè được bổ sung kịp thời và tiêu thụ điện hạ nhiệt trong mùa mát.

■ Diễn biến giá

Trong tháng 8/2025, giá khí đốt tự nhiên trên thị trường thế giới tiếp tục xu hướng giảm mạnh, chạm mức thấp nhất trong gần một năm. Nguyên nhân chủ yếu đến từ nhu cầu suy yếu tại Trung Quốc và Ấn Độ, trong khi châu Âu duy trì dự trữ ở mức an toàn, khiến áp lực mua LNG giảm bớt. Đồng thời, nguồn cung dồi dào từ Mỹ và các nhà xuất khẩu lớn như Qatar, Australia đã góp phần tạo dư cung trên thị trường.

DIỄN BIẾN GIÁ KHÍ ĐỐT TỰ NHIÊN THẾ GIỚI

Đơn vị tính: USD/mmBTU



Nguồn: Investing

2.1.2. Thị trường trong nước

Thị trường gas tại Việt Nam trong tháng 8/2025 tiếp tục duy trì xu hướng giảm giá. Nguyên nhân chủ yếu đến từ diễn biến quốc tế khi giá CP (Contract Price) được chốt ở mức 505 USD/tấn, giảm 55 USD/tấn so với tháng 7, qua đó tạo điều kiện cho giá gas bán lẻ trong nước điều chỉnh giảm.

Tính từ đầu năm 2025 đến nay, giá gas bán lẻ chỉ có một lần tăng duy nhất vào tháng 2, sau đó giữ ổn định hoặc liên tục hạ nhiệt, mang lại lợi ích rõ rệt cho người tiêu dùng và doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, sản lượng khai thác khí nội địa lại có dấu hiệu suy giảm do nhiều mỏ khí lớn bước vào giai đoạn suy thoái tự nhiên, đặt ra áp lực về an ninh cung ứng trong trung và dài hạn.

Trước thực tế này, hạ tầng LNG tiếp tục được đẩy mạnh mở rộng, trong đó đáng chú ý là dự án Kho cảng LNG Cái Mép với công suất 3 triệu tấn/năm đang được xúc tiến, cùng với kế hoạch nhập khẩu LNG từ nhiều thị trường nhằm bổ sung nguồn cung và đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

2.2. Dự báo

2.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

■ Cung khí

Theo Tổ chức các nước Xuất khẩu Khí đốt (GECF) dự báo tốc độ khai thác khí đốt toàn cầu năm 2025 được điều chỉnh giảm xuống chỉ còn 1,8%, chủ yếu do sản lượng tại Trung Đông thấp hơn kỳ vọng.

Sự suy giảm này phản ánh áp lực đối với nguồn cung trong ngắn hạn, đặc biệt khi nhiều quốc gia xuất khẩu lớn vẫn phải đối mặt với các hạn chế về công nghệ và địa chính trị. Trong bối cảnh đó, nguồn cung bổ sung từ Mỹ, Qatar và Australia vẫn giữ vai trò then chốt trong việc cân bằng thị trường.

■ Cầu khí

Nhu cầu khí đốt toàn cầu được dự báo tiếp tục duy trì đà tăng, mặc dù tốc độ tăng trưởng chung đã được GECF điều chỉnh giảm.

Việc điện khí hóa giao thông và sự bùng nổ của các trung tâm dữ liệu đang thúc đẩy nhu cầu điện, kéo theo tiêu thụ khí tự nhiên tăng mạnh.

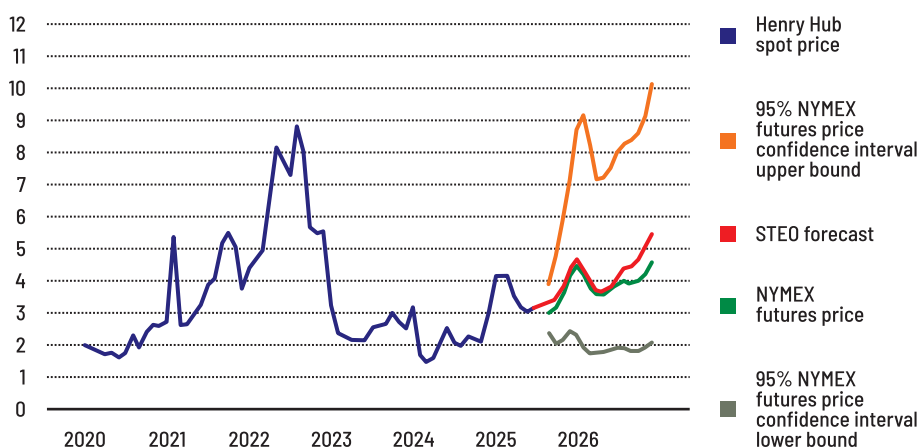
Ngoài ra, theo Morgan Stanley nhận định châu Á sẽ là khu vực tăng trưởng nhanh nhất, với mức 5%/năm, cao hơn nhiều so với châu Âu (1%) và Mỹ (3%). Mặt khác, sự sụt giảm sản lượng trong nước cùng với nhu cầu năng lượng tăng cao tại các nền kinh tế mới nổi như Ấn Độ, Philippines, Việt Nam và Malaysia tiếp tục là động lực chính khiến nhập khẩu LNG ở châu Á duy trì xu hướng tăng mạnh đến hết năm nay.

■ Diễn biến giá

Giá khí đốt tự nhiên được dự báo sẽ tiếp tục neo ở mức cao trong năm 2025, bất chấp việc giá dầu hạ nhiệt khi OPEC+ khôi phục nguồn cung. Tại châu Á và châu Âu, giá LNG vẫn duy trì sức ép lớn từ nhu cầu nhập khẩu.

Ngày 12/8, EIA dự báo giá khí tự nhiên giao ngay tại Henry Hub sẽ tăng từ mức trung bình 3,20 USD/MMBtu trong tháng 7 lên khoảng 3,90 USD/MMBtu trong quý IV/2025 và có thể đạt 4,30 USD/MMBtu vào năm 2026. Xu hướng tăng giá này chủ yếu phản ánh việc sản lượng khí tương đối ổn định trong khi xuất khẩu LNG của Mỹ tiếp tục mở rộng, khiến cung - cầu toàn cầu mất cân đối.

DỰ BÁO GIÁ KHÍ ĐỐT TỰ NHIÊN GIAO NGAY HENRY HUB GIAI ĐOẠN 2025-2026



Nguồn: EIA

2.2.2. Thị trường trong nước

Thị trường khí Việt Nam trong giai đoạn tới được dự báo sẽ đối mặt với thách thức lớn khi nguồn cung nội địa dần suy giảm, trong khi nhu cầu tiêu thụ lại tăng nhanh, đặc biệt ở các lĩnh vực điện, công nghiệp và giao thông.

Dự báo nhu cầu khí có thể gấp ba lần vào giữa thập niên 2030, khiến Việt Nam phụ thuộc ngày càng nhiều vào nhập khẩu LNG. Thực tế, một số dự án quan trọng đã đi vào vận hành như Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và 4 hay kho LNG Thị Vải, cùng với việc triển khai kho LNG Cái Mép, được kỳ vọng góp phần bù đắp sự thiếu hụt nguồn cung trong nước.

Tuy nhiên, thách thức về tiến độ triển khai dự án, nhu cầu vốn đầu tư lớn, cũng như biến động địa chính trị toàn cầu có thể tác động mạnh đến chi phí nhập khẩu và tính ổn định của nguồn cung.

3. THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN

3.1. Thông tin trong kỳ

3.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

■ *Cung phân bón*

Trong tháng 8/2025, nguồn cung phân bón toàn cầu tiếp tục thu hẹp khi nhiều quốc gia duy trì các chính sách kiểm soát chặt chẽ xuất khẩu.

Trung Quốc - nhà xuất khẩu ure lớn - vẫn áp dụng hạn ngạch để bảo đảm an ninh lương thực nội địa, trong khi Nga và Belarus chịu tác động mạnh từ các lệnh trừng phạt quốc tế, khiến khối lượng phân bón xuất khẩu bị hạn chế.

Bên cạnh đó, chi phí vận chuyển tăng cao do tình hình căng thẳng tại các tuyến hàng hải chính cũng làm gia tăng áp lực lên chuỗi cung ứng phân bón toàn cầu.

■ *Cầu phân bón*

Nhu cầu phân bón toàn cầu đang trong giai đoạn phục hồi rõ rệt sau hai năm điều chỉnh.

Tại Ấn Độ, nhu cầu ure và DAP tăng mạnh để chuẩn bị cho vụ gieo trồng mới, còn Brazil đẩy mạnh mua vào phục vụ mùa đậu nành cuối năm.

Khu vực Đông Nam Á, nhờ thời tiết thuận lợi và sản xuất nông nghiệp tăng tốc, cũng góp phần thúc đẩy tiêu thụ phân bón.

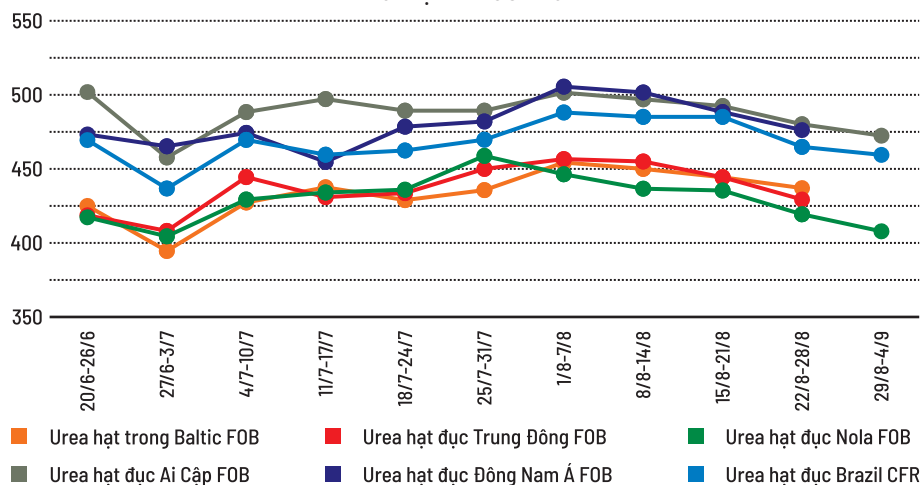
Ngược lại, châu Âu và Bắc Mỹ chứng kiến nhu cầu suy giảm do ảnh hưởng của giá nông sản chưa ổn định và chính sách nông nghiệp thắt chặt.

■ *Diễn biến giá*

Giá ure thế giới trong tháng 8/2025 có xu hướng giảm sau giai đoạn tăng mạnh trước đó, do phần lớn người mua tạm ngừng giao dịch, chờ kết quả thầu lớn từ Ấn Độ dự kiến đóng ngày 2/9.

DIỄN BIẾN GIÁ URE THẾ GIỚI

Đơn vị tính: USD/tấn



Nguồn: AgroMonitor

3.1.2. Thị trường trong nước

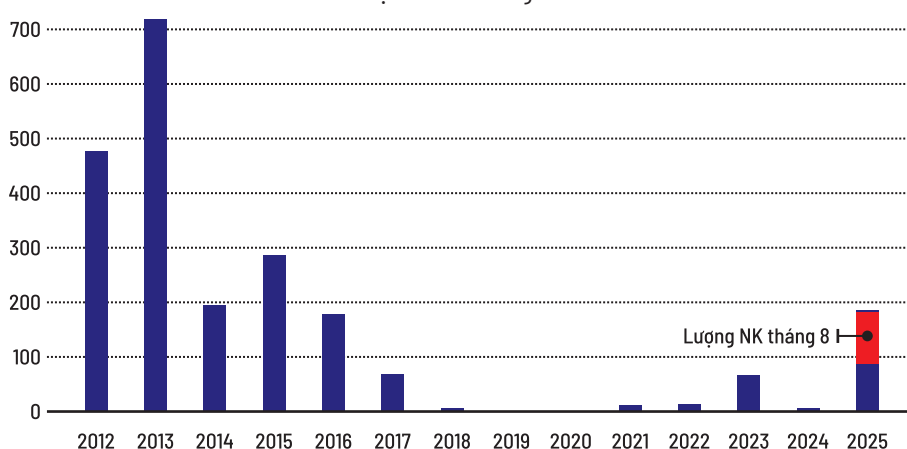
■ Cung phân bón

Trong tháng 8/2025, nguồn cung ure trong nước ở mức thấp do hàng giao ngay hạn chế khi các nhà máy chủ yếu tập trung cho xuất khẩu, trong khi Nhà máy Đạm Hà Bắc vẫn chưa khôi phục sản xuất.

Tuy nhiên, lượng nhập khẩu ure về Việt Nam tăng mạnh, đạt mức cao nhất kể từ tháng 6/2012, giúp bổ sung đáng kể cho thị trường nội địa.

NHẬP KHẨU PHÂN URE VỀ VIỆT NAM TĂNG MẠNH TRONG THÁNG 8/2025

Đơn vị tính: Trăm nghìn tấn



Nguồn: AgroMonitor

Đối với phân kali, nguồn cung tiếp tục dồi dào nhờ gần 120 nghìn tấn hàng nhập khẩu cập cảng trong nửa đầu tháng 8.

▪ *Cầu phân bón*

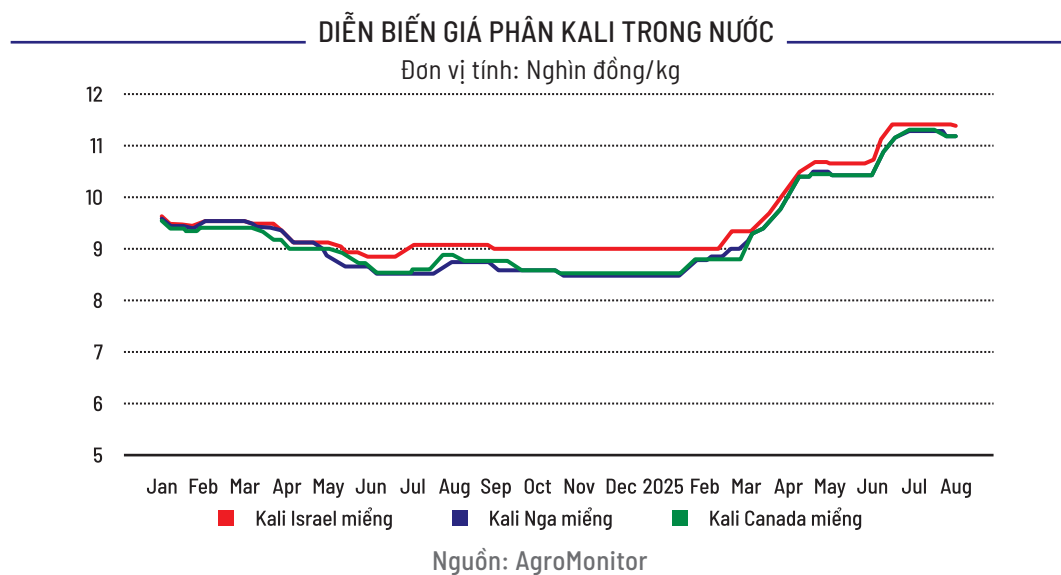
Nhu cầu tiêu thụ phân bón trong nước nhìn chung chưa có nhiều đột biến trong tháng 8/2025.

Các khu vực sản xuất chính vẫn duy trì nhịp độ tiêu thụ ổn định, nhưng tốc độ tăng trưởng chậm lại, đặc biệt là ở nhóm phân kali do nguồn cung dồi dào tạo tâm lý chờ đợi giá.

▪ *Diễn biến giá*

Trong tháng qua, giá ure trong nước tiếp tục nhận được lực hỗ trợ từ nguồn cung hạn chế và nhu cầu nhập khẩu lớn, tạo áp lực giữ giá ở mức cao.

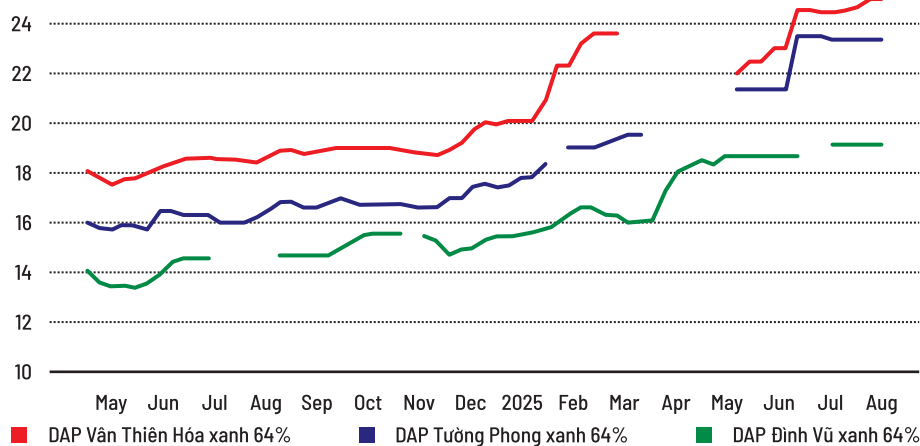
Ngược lại, giá phân kali trong nước chịu sức ép giảm nhẹ nhờ nguồn cung bổ sung mạnh mẽ trong khi nhu cầu tiêu thụ chậm.



Giá phân DAP nhập khẩu từ Trung Quốc tăng về số lượng nhưng vẫn duy trì mặt bằng cao do hưởng ứng xu hướng giá thế giới, trong khi giá phân NPK được các nhà phân phối, thương nhân và đại lý giữ ổn định trong suốt tháng qua.

DIỄN BIẾN GIÁ PHÂN DAP TRUNG QUỐC NHẬP KHẨU VỀ VIỆT NAM

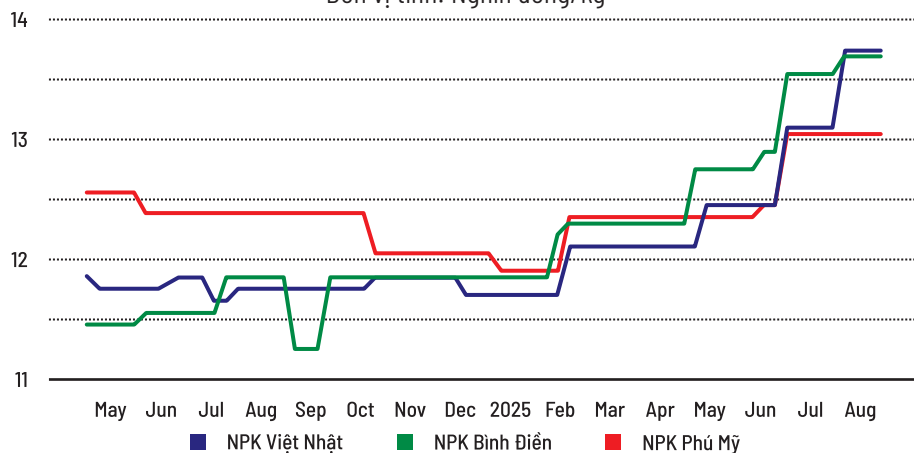
Đơn vị tính: Nghìn đồng/kg



Nguồn: AgroMonitor

DIỄN BIẾN GIÁ PHÂN NPK TRONG NƯỚC

Đơn vị tính: Nghìn đồng/kg



Nguồn: AgroMonitor

3.2. Dự báo

3.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ Cung phân bón

Năng lực cung ứng phân bón toàn cầu được dự báo tăng trưởng ổn định, chủ yếu nhờ các dự án chi phí thấp và xu hướng mở rộng công suất ở nhiều khu vực.

Năng lực sản xuất phân đạm được dự báo có thể đạt 171,1 triệu tấn vào năm 2025, trong đó nổi bật là các dự án tại Nga, Iran và Mỹ, cùng với sự xuất hiện của các nhà máy amoniac xanh.

Năng lực cung ứng phân lân dự kiến đạt 55,3 triệu tấn P_2O_5 , tăng 2%, với đóng góp chính từ Bắc Phi, Brazil, Ấn Độ và Trung Quốc.

Đối với phân kali, công suất toàn cầu dự kiến đạt 54,4 triệu tấn K_2O , tăng 4% nhờ mở mới ở Lào và mở rộng tại Nga, Canada và Jordan.

Bên cạnh đó, Trung Quốc tiếp tục nói hạn ngạch xuất khẩu ure, trong khi Liên minh châu Âu xem xét miễn thuế nhập khẩu một số dòng phân bón từ Mỹ, tạo điều kiện hỗ trợ nguồn cung trên thị trường quốc tế.

■ *Cầu phân bón*

Theo Hiệp hội Phân bón Quốc tế (IFA), nhu cầu tiêu thụ phân bón toàn cầu trong năm 2025 dự báo tăng 2,2%, đạt 205 triệu tấn - mức cao kỷ lục, vượt mốc 201,5 triệu tấn của năm 2020.

Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng được dự báo sẽ chậm dần, còn 1,5% vào năm 2028.

Ấn Độ được đánh giá sẽ là điểm sáng với xu hướng tăng mua mạnh, trong khi các khu vực sản xuất lớn khác duy trì nhu cầu ổn định. Dù mức tăng không quá đột biến, năm 2025 vẫn được coi là năm tích cực đối với tiêu thụ phân bón nhờ sản lượng nông nghiệp và nhu cầu phục hồi.

■ *Diễn biến giá*

Giá phân bón thế giới được dự báo duy trì ở mức cao trong nửa cuối 2025 và đầu 2026, trước khi có khả năng điều chỉnh từ nửa sau 2026.

Những yếu tố chính hỗ trợ giá gồm nguồn cung châu Âu hạn chế, Mỹ siết chặt nhập khẩu phân kali và DAP, cùng với căng thẳng địa chính trị làm gia tăng chi phí logistics.

Tuy nhiên, việc Nga tăng hạn ngạch xuất khẩu và Trung Quốc liên tục nới lỏng xuất khẩu ure, phosphate có thể giúp hạ bớt áp lực thiếu cung, tạo điều kiện cho giá hạ nhiệt dần về trung hạn.

3.2.2. *Thị trường trong nước*

■ *Cung phân bón*

Trong thời gian tới, mặc dù xuất khẩu phân bón Việt Nam được dự báo sẽ bước vào giai đoạn tăng tốc, nhờ nhu cầu quốc tế phục hồi và nguồn cung toàn cầu bị thắt chặt.

Tuy nhiên, nguồn cung phân bón trong nước có thể chịu sức ép khi sản lượng khí thiên nhiên - nguyên liệu chiếm tới 60-75% chi phí sản xuất phân đạm - đang có xu hướng suy giảm. Điều này ảnh hưởng trực tiếp tới các nhà máy trong nước, đặc biệt là Đạm Phú Mỹ và Đạm Cà Mau, dù các đơn vị này vẫn được hưởng lợi từ

hợp đồng khí dài hạn với PV GAS. Nếu tình trạng suy giảm khí kéo dài, áp lực chi phí đầu vào sẽ gia tăng, buộc doanh nghiệp phải tối ưu vận hành hoặc bổ sung hàng nhập khẩu để duy trì nguồn cung.

■ ***Cầu phân bón***

Nhu cầu trong nước dự báo vẫn phụ thuộc vào mùa vụ, với những giai đoạn cao điểm tại Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long. Tuy nhiên, cầu nội địa có thể gặp cạnh tranh từ hàng nhập khẩu giá rẻ trong khu vực, gây áp lực lên doanh nghiệp nội.

Ngược lại, thị trường quốc tế đang mở ra cơ hội lớn, khi Ấn Độ dự báo tăng mua mạnh, trong khi Mỹ siết nhập khẩu phân kali và DAP, tạo khoảng trống để hàng Việt Nam mở rộng thị phần.

■ ***Diễn biến giá***

Dự báo giá ure trong quý III/2025 có khả năng đi ngang hoặc giảm nhẹ theo xu hướng thế giới, khi Nga tăng hạn ngạch xuất khẩu và Trung Quốc cân nhắc nới lỏng xuất khẩu ure và phosphate. Tuy nhiên, chi phí sản xuất phân đạm trong nước vẫn chịu ảnh hưởng gián tiếp từ giá dầu và khí quốc tế, khiến giá bán nội địa khó giảm sâu. Do đó, phân bón trong nước được dự báo sẽ duy trì nền giá cao, đặc biệt trong các mùa vụ tiêu thụ cao điểm, giúp doanh nghiệp hưởng lợi nhưng đồng thời cũng làm gia tăng áp lực chi phí cho nông dân.

4. THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

4.1. Thông tin trong kỳ

4.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Thị trường điện toàn cầu trong tháng 8/2025 tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức khi nhu cầu tiêu thụ duy trì ở mức cao do nắng nóng kéo dài, trong khi hạ tầng lưới điện, sự mất cân đối cung cầu và các yếu tố phi chính thống như khai thác tiền điện tử đã làm gia tăng áp lực lên hệ thống điện tại nhiều khu vực.

Tại châu Âu, lưới điện tại Reutlingen (Đức) đang hoạt động gần như vượt ngưỡng do sự gia tăng nhanh chóng của các hệ thống điện mặt trời hòa lưới, khiến FairNetz cảnh báo nguy cơ mất ổn định do hạ tầng truyền tải chưa kịp thích ứng.

Ngược lại, tại Trung Á, Tajikistan đối mặt với tình trạng thất thoát điện nghiêm trọng khi các hoạt động đào tiền điện tử bất hợp pháp bùng nổ, tiêu thụ khối lượng điện khổng lồ mà không thanh toán, buộc chính phủ phải chi ngân sách bù đắp cho các nhà cung cấp điện.

Bên cạnh đó, tại Mỹ, một số bang miền Tây tiếp tục chịu áp lực lớn từ nắng nóng và hạn hán kéo dài, khiến nhu cầu điều hòa và làm mát tăng mạnh, trong khi sản lượng thủy điện tại California suy giảm do mực nước hồ chứa thấp.

Khu vực Đông Nam Á, đặc biệt là Việt Nam và Thái Lan, ghi nhận mức tiêu thụ điện cao kỷ lục trong mùa nắng nóng, buộc các công ty điện lực phải huy động tối đa nguồn than và khí để ổn định hệ thống.

Trong khi đó, Trung Quốc vẫn đối diện với tình trạng mất cân đối giữa sản lượng và nhu cầu, một số thành phố lớn phải triển khai biện pháp tiết giảm phụ tải trong giờ cao điểm để giảm áp lực cho lưới điện.

4.1.2. Thị trường trong nước

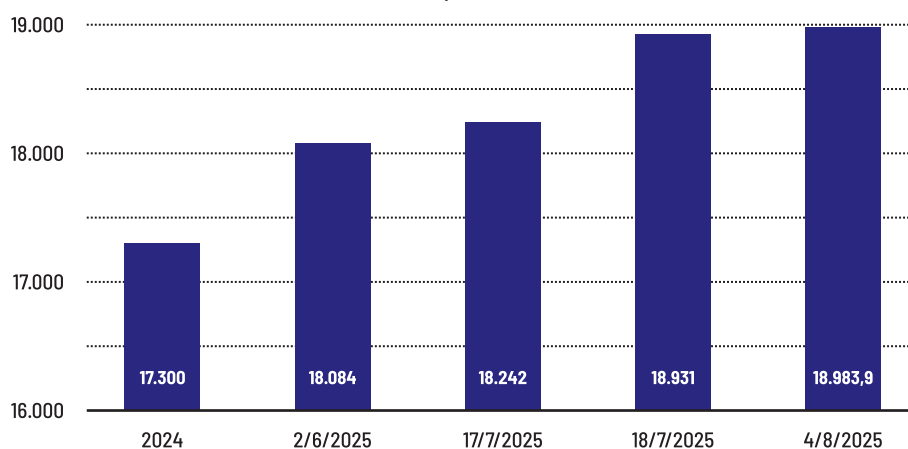
Trong tháng 8/2025, thị trường điện Việt Nam ghi nhận nhiều diễn biến đáng chú ý.

Tại miền Bắc, thời tiết vẫn nắng nóng gay gắt khiến nhu cầu tiêu thụ điện tăng cao, đỉnh điểm lúc 22h30 ngày 4/8 công suất cực đại đạt 18.983,9 MW và sản lượng điện thương phẩm lên tới 393,09 triệu kWh - mức cao nhất từ trước đến nay.

Tình trạng tiêu thụ điện tăng mạnh đã kéo theo giá điện sinh hoạt tháng 8 tăng 1,01% so với tháng trước.

DIỄN BIẾN CÔNG SUẤT TIÊU THỤ ĐIỆN TẠI MIỀN BẮC

Đơn vị tính: MW



Nguồn: EVNNPC

Song song đó, ngành điện trong nước chứng kiến bước tiến lớn khi vào ngày 19/8, Petrovietnam khởi công Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn IV thuộc chuỗi dự án khí - điện Lô B-Ô Môn, với hệ thống khai thác, vận chuyển và cấp khí quy mô hàng tỷ USD, hứa hẹn bổ sung hơn 9.300 MW cho hệ thống điện quốc gia, đảm bảo an ninh năng lượng và phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Bên cạnh nguồn điện truyền thống, xu hướng năng lượng tái tạo tiếp tục lan tỏa mạnh mẽ khi Tổng công ty Điện lực miền Bắc đã có 111 khách hàng đăng ký điện mặt trời mái nhà với công suất 164,6 MW, trong đó 72,3 MW đã vận hành, cùng với hàng trăm MWp do các tổ chức và cá nhân tự đầu tư.

Theo Quy hoạch điện VIII, khu vực miền Bắc sẽ phát triển hàng chục nghìn MW điện mặt trời giai đoạn 2025-2030, với mục tiêu đến năm 2030 có 50% hộ dân lắp đặt điện mặt trời mái nhà, góp phần hướng tới hệ thống năng lượng xanh, bền vững và tự chủ hơn.

4.2. Dự báo

4.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự báo thị trường điện toàn cầu trong giai đoạn 2025-2026 sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ với nhu cầu điện dự kiến tăng 3,3% năm 2025 và 3,7% năm 2026, cao hơn nhiều so với mức trung bình giai đoạn 2015-2023.

Theo IEA, năng lượng tái tạo được dự báo sẽ vượt than đá để trở thành nguồn phát điện lớn nhất thế giới ngay từ năm 2025 hoặc muộn nhất vào 2026, trong khi điện hạt nhân cũng đạt mức kỷ lục nhờ tái khởi động và mở rộng công suất, đặc biệt ở châu Á. Điện khí đốt duy trì vai trò quan trọng, dần thay thế than đá và dầu mỏ trong nhiều khu vực.

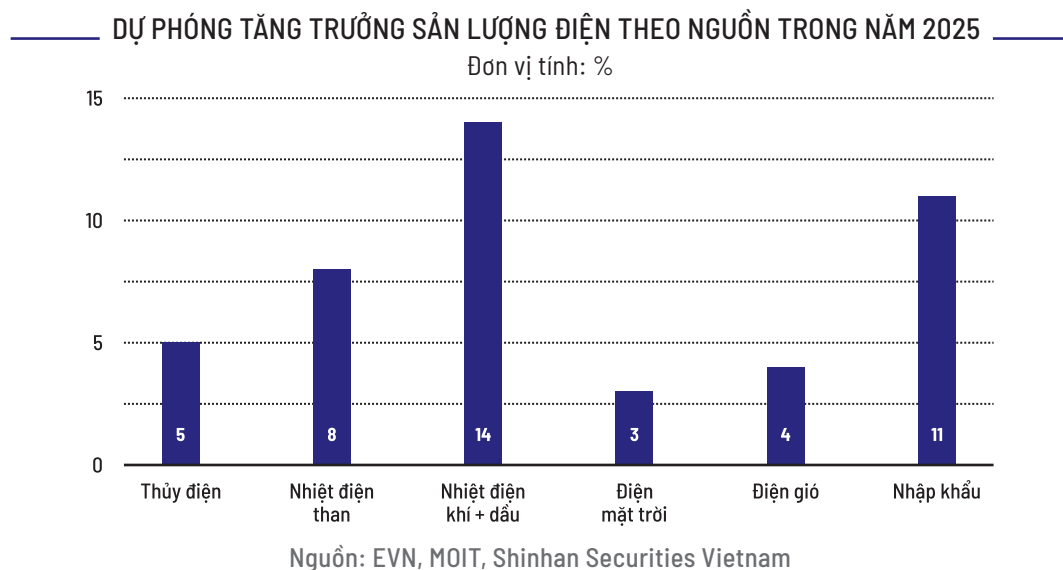
Về mặt nhu cầu, Trung Quốc và Ấn Độ được dự báo chiếm tới 60% mức tăng trưởng tiêu thụ toàn cầu, với tốc độ tăng lần lượt 5,7% và 6,6% trong năm 2026. Mỹ cũng duy trì đà tăng hơn 2% nhờ sự bùng nổ các trung tâm dữ liệu, trong khi châu Âu chỉ đạt mức tăng khiêm tốn khoảng 1% do nhu cầu phục hồi chậm. Tuy nhiên, giá điện vẫn có sự chênh lệch lớn giữa các khu vực, khi giá điện công nghiệp tại Liên minh châu Âu cao gấp đôi so với Mỹ và cao hơn đáng kể so với Trung Quốc, đặt ra thách thức cho năng lực cạnh tranh của các ngành công nghiệp sử dụng nhiều năng lượng tại khu vực này.

4.2.2. Thị trường trong nước

Thị trường điện Việt Nam giai đoạn đến 2025 được dự báo sẽ duy trì mức tăng trưởng cao, phản ánh cả nhu cầu tiêu thụ gia tăng và định hướng chính sách mới.

Theo Nghị quyết số 70-NQ/TW về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, khách hàng lần đầu tiên được đặt ở vị trí trung tâm, có quyền lựa chọn đơn vị cung cấp điện phù hợp thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào EVN, mở ra cơ hội tái cấu trúc thị trường điện theo hướng minh bạch, cạnh tranh và giảm độc quyền. Cùng với đó, Nhà nước khuyến khích tư nhân tham gia mạnh mẽ hơn vào hạ tầng lưu trữ năng lượng và truyền tải điện, tạo nền tảng thu hút vốn đầu tư xã hội.

Về tăng trưởng sản lượng điện theo nguồn, dự báo nhiệt điện khí & dầu sẽ dẫn đầu với mức tăng 14% trong năm 2025, tiếp đến là nhập khẩu điện (+11%) và nhiệt điện than (+8%), trong khi thủy điện, điện gió và điện mặt trời có tốc độ tăng khiêm tốn hơn (5%, 4% và 3%).





PHẦN IV

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Trong bối cảnh tình hình kinh tế và ngành năng lượng tháng 8/2025 vẫn tiềm ẩn nhiều biến động, đặt ra không ít thách thức và cơ hội mới cho ngành năng lượng. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp trong ngành như Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam) cần có những điều chỉnh chiến lược để thích nghi và tận dụng những xu hướng này.

Dưới đây là một số khuyến nghị cụ thể dành cho Petrovietnam, nhằm tối ưu hóa hoạt động và nắm bắt cơ hội trong môi trường kinh doanh hiện tại:

- Đa dạng hóa nguồn cung năng lượng thông qua việc mở rộng nhập khẩu dầu thô và LNG từ nhiều thị trường khác nhau, áp dụng cơ chế linh hoạt để giảm phụ thuộc vào một số nguồn cung truyền thống, đồng thời củng cố an ninh năng lượng quốc gia trong bối cảnh nhu cầu ngày càng tăng.
- Nghiên cứu, đầu tư phát triển các lĩnh vực năng lượng mới như hydrogen xanh, điện gió ngoài khơi, điện mặt trời kết hợp hệ thống lưu trữ, song song với đầu tư vào các sản phẩm hóa dầu kỹ thuật cao có giá trị gia tăng, nhằm tạo nền tảng vững chắc cho quá trình chuyển dịch năng lượng và nâng cao vị thế của Tập đoàn trong chuỗi giá trị năng lượng toàn cầu.
- Hoàn thiện hệ thống quản trị tài chính bằng cách triển khai các công cụ phòng ngừa rủi ro giá dầu khí, tỷ giá và lãi suất, qua đó giúp Tập đoàn duy trì dòng tiền ổn định, nâng cao khả năng chống chịu trước những biến động phức tạp của thị trường năng lượng thế giới.
- Tăng cường huy động vốn quốc tế thông qua phát hành trái phiếu xanh và hợp tác với các quỹ đầu tư năng lượng sạch, tận dụng xu hướng dòng vốn toàn cầu chảy vào các dự án giảm phát thải, vừa đảm bảo nguồn lực tài chính bền vững, vừa nâng cao uy tín quốc tế cho Tập đoàn.
- Khai thác triệt để giá trị từ chuỗi khí - điện - đạm bằng cách tăng cường sự phối hợp giữa các đơn vị thành viên, thúc đẩy nội địa hóa thiết bị và dịch vụ trong các dự án lớn, đồng thời ứng dụng công nghệ số và hệ thống quản lý hiện đại để kiểm soát tiến độ, chi phí, nâng cao hiệu quả đầu tư.
- Xây dựng chiến lược truyền thông thương hiệu toàn diện với thông điệp xuyên suốt về đổi mới công nghệ, phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội, kết hợp triển khai trên các nền tảng truyền thông số và mạng xã hội để tiếp cận rộng rãi nhà đầu tư, đối tác và công chúng, đồng thời tổ chức các chiến dịch truyền thông quốc tế gắn với sự kiện năng lượng lớn nhằm khẳng định vị thế và uy tín của Tập đoàn ở cả trong và ngoài nước.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 9/2025

PHỤ LỤC I

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 8 NĂM 2025

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Tháng 8 năm 2025	8 tháng đầu năm 2025	Tỷ lệ so sánh (%)			
					A	B	C	D
1	Tăng trưởng GDP		n/a	-	-	-	-	-
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)		n/a	-	102,2	108,9	108,5	-
3	Hoạt động của doanh nghiệp							
3.1	Thành lập mới	DN	20.500	209.200	123,9	152,9	124,5	-
3.2	Quay lại hoạt động	DN	12.400		85,0	146,4		-
3.3	Rút lui khỏi thị trường	DN	-	160.900	-	-	119,0	-
	- Ngừng kinh doanh có thời hạn	DN	6.500	-	89,0	122,5	-	-
	- Chờ làm thủ tục giải thể	DN	6.900	-	156,8	133,2	-	-
	- Hoàn tất giải thể	DN	3.800	-	196,7	199,0	-	-
4	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội	Nghìn tỷ						
4.1	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN	Nghìn tỷ	83,8	463,2	132,6	-	126,9	-
4.2	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD	-	26,14	-	-	127,3	-
4.3	Vốn FDI thực hiện	Tỷ USD	-	15,40	-	-	108,8	-
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Nghìn tỷ	588,2	4.579	102,6	110,6	109,4	-
6	Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa	Tỷ USD						
6.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	43,39	305,96	102,6	114,5	114,8	-
6.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tỷ USD	39,67	291,97	99,2	117,7	117,9	-
6.3	Cán cân thương mại	Tỷ USD	Xuất siêu 3,72	Xuất siêu 13,99	-	-	-	-
7	Chỉ số giá							
7.1	Chỉ số giá tiêu dùng				100,05	103,24	103,25	102,18
7.2	Chỉ số giá vàng				101,20	148,62	140,25	136,51
7.3	Chỉ số giá Đô la Mỹ				100,36	104,43	103,45	103,67
7.4	Lạm phát cơ bản				100,19	103,25	103,19	-

A: Tháng 8/2025 so với tháng 7/2025B: Tháng 8/2025 so với tháng 8/2024

C: Bình quân 8 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳD: Tháng 8/2025 so với tháng 12/2024



Ảnh bìa: Giới siêu giàu tại châu Á đang đẩy mạnh đầu tư vào tiền mã hóa, đưa Bitcoin lên mức đỉnh mới trong tháng 8.

Freepik



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
BAN KINH TẾ ĐẦU TƯ / PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH
phối hợp thực hiện